

PHẬT HỌC

佛學

PHƯƠNG TIỆN TU HỌC PHẬT PHÁP - PHÁT HÀNH HÀNG THÁNG

SỐ 368, NĂM THỨ 30

NGÀY 1 THÁNG 3 NĂM 2025



Điện Tử Thư (E-Mail): huynhaitong@gmail.com
Mạng Nhận Toàn Cầu (World Wide Web): <http://www.nsphat-hoc.org>



NGUYỆT SAN PHẬT HỌC

Chủ Biên:

PHÚC TRUNG

Thủ Quỹ:

DIỆU LAN

Kiểm Soát:

PHƯỚC SƠN

Ban Biên Tập:

**BÌNH ANSON
CHÂN ĐẠI LƯỢNG
MINH HÒA
NHÂN CA
TÂM KHÔNG
TÂM TUỆ TỈNH
TUỆ VIÊN**

Cộng Tác:

**CHÍNH HẠNH
HÀN TRÚC
HỒNG DƯƠNG
MINH CHÁNH
MINH ĐỨC
TRẦN TRUNG ĐẠO**

Kỹ Thuật:

**MINH HÒA
NHÂN CA**

Mục Lục

<u>Con đường tu học</u>	BBT	3
<u>Thiền Định một Ph. pháp biến cải tâm linh</u>	H. Phong dịch	4
<u>Giới thiệu tổng quát về AI</u>	TT. Thích Huyền Châu	7
<u>Pháp Cú 414 Phẩm Bà La Môn</u>	HT. Thích Minh Châu dịch	10
<u>Thơ: Có thuyền về bến Chân Tâm</u>	Tuệ Nga	10
<u>Tâm Tín hay Tâm Tướng</u>	Ni sư Thích Nữ Trí Hải (thuật)	11
<u>Cách chúng ta chết, suy ngẫm về ...</u>	Sherwin B. Nuland	14
<u>Niên Phât cầu vãng sanh Tây Phương Tịnh Đô</u>	Huệ Giáo	21
<u>Hư Hư Lục: Ông Hoàng lưu lạc</u>	Thích Nữ Như Thủy	23
<u>Niên Phât như thế nào để nắm chắc vãng ...</u>	HT. T. Không	24
<u>Pháp tu căn bản của người Phât tử</u>	HT. Thích Thanh Từ	28

Tranh bìa

Hoa Sen

**Đôi lời thưa trước cùng quý tác giả có bài
đăng trong**

Nguyệt San Phật Học

Nhằm mục đích hoàng dương Phật Pháp, Nguyệt San Phật Học đăng lại một số bài từ các Tạp Chí, Sách, Báo Phật Giáo. Có những bài không thể liên lạc được với tác giả, xin quý vị hoan hỷ miễn thứ cho.

**Ban Biên Tập
Nguyệt San Phật Học**

Con đường tu học

Người Phật tử chân chính là người Phật tử phải tu học theo giáo lý của Đức Phật, giáo lý ấy được ghi chép trong tam tạng kinh điển là Kinh, Luật, Luận.

Kinh là sách ghi chép những lời Phật dạy được truyền lại từ khi đức Phật còn tại thế, Người đã dạy cho những vị tu sĩ là những người đã xuất gia và những người còn tại gia biết theo đó mà tu tâm dưỡng tánh.

Phép tu theo đạo Phật đại cương người ta chia thành các ngành chuyên tu như: Thiên, Tịnh, Mật, Giáo.

Thiên là những người theo đó giữ cho tâm của mình thanh tịnh, không tham muốn, tiền tài danh lợi, sắc dục. Đây là con đường tu tập rất khó cho những ai hành trì phương pháp này.

Tịnh là Tịnh độ, thông thường là phương pháp niệm Phật A Di Đà để cầu được vãng sanh về cõi của Ngài, tức là cõi thanh tịnh và an lạc, thường được biết đến với danh từ là Cực Lạc Quốc hay nôm na là chốn an vui tràn đầy hạnh phúc .

Mật tức là Mật tông, phương pháp này là đọc thần chú, luyện cho thần chú ấy linh nghiệm để được linh ứng có thể giúp ích mọi người, tạo phước báo cho mình mai sau.

Giáo tức là tụng Kinh để làm theo lời Phật dạy, cũng có thể gọi là y giáo phụng hành, tức là tuân theo lời Phật dạy mà làm theo cho đúng như thế để sẽ được kết quả như lời Phật dạy trong Kinh.

Nói chung thì phương pháp khác nhau, nhưng để có kết quả gần như nhau là sẽ được sanh về cõi Cực Lạc hoặc lên các cõi Trời, không bị đọa vào địa ngục hoặc không sinh trở lại kiếp người để bị những khổ đau như nghèo, đói, bệnh tật ...

Cho nên là người Phật tử, chúng ta phải giữ giới nghiêm túc và phải học trong Kinh điển hoặc dự các buổi thuyết pháp do chư Tăng, Ni là những người thông thạo giáo lý chỉ đường, dẫn lối cho chúng ta tu học. Có như vậy mới tinh tấn trên đường đạo, có quả vị cho mai sau.

BBT/NS/PHẬT HỌC

Thiền định

một phương pháp biến cải tâm linh

Đức Đạt-lai Lạt-ma và Ugyen Sangharakshita

Hoang Phong chuyển ngữ

Chương VIII

Đức Phật và người bồ-tát - vĩnh cửu và thời gian

Bài 51

Con đường đúng đắn

Trên đây (trong bài 50) chúng ta đã nêu lên là dù mình đang bước theo con đường (của người bồ-tát) thế nhưng đồng thời mình cũng hiểu rằng con đường sẽ chẳng đưa mình đến một nơi nào cả (mục đích con đường của người bồ-tát là mang lại sự giải thoát cho tất cả chúng sinh, thế nhưng chúng sinh thì vô tận, vì vậy con đường cũng sẽ bất tận, không bao giờ chấm dứt, không có một điểm đến nào cả). Chúng ta bước theo con đường nhưng không thể đoán chắc được là con đường có "đúng" hay "không đúng". Tuy nhiên sự nghịch lý và thiếu vững chắc đó có thể giải quyết ổn thỏa được bằng cách xem nó như một mô hình nêu lên một sự nảy nở [tâm linh]. Một số người đôi khi vì quá thắc mắc nên thường tự hỏi xem mình có đủ khả năng hay không [để bước theo con đường đó], vị thầy mình có phải là một vị thầy tốt hay không, hoặc quyển sách này hay câu mantra (câu niệm hay câu chú) kia thật sự có giúp mình bước "đúng" theo con đường đưa mình đến Giác ngộ hay không? Qua một góc nhìn nào đó thì các thắc mắc trên đây quả là nan giải (không thể nào biết được chắc chắn là con đường mà mình đang bước đi có "đúng" hay không). Nếu có một người nào đó nói với bạn như sau : "Này

bạn, con đường mà bạn chọn là con đường sai. Đương nhiên con đường đó sẽ đưa bạn xuống địa ngục". Vậy bạn sẽ phải làm gì ? Bạn không thể chứng minh được là người ấy nói sai, cũng không thể "biết được" lời mà người ấy nói với bạn có hữu lý và có thể chứng minh được hay không, nhất là sự hữu lý đó có thể mang lại cho bạn sự Giác ngộ, hoặc ít nhất cũng mở ra con đường đưa bạn đến Giác ngộ hay không ?

Nếu muốn biết được con đường mà mình đang bước đi có "đúng" là con đường đưa mình đến Giác ngộ thì chỉ có cách là phải dựa vào một cái gì đó có sẵn từ bên trong con người của mình - dù cái gì đó chỉ là một hạt mầm nhỏ bé - nhưng thật ra tương quan với một cái gì đó to lớn hơn và đã được nảy nở thật trọn vẹn bên trong con người của Đức Phật. Thiếu tiếng âm vang (resonance) đó, sự giao cảm (communion) đó [giữa mình và Đức Phật] thì chúng ta sẽ không thể nào bước đúng theo con đường và sẽ không bao đạt được Giác ngộ (thiếu tiếng âm vang của Phật tính trong lòng mình đưa mình đến gần với Đức Phật thì mình sẽ không thể nào bước đúng theo con đường. Việc tu tập đơn thuần dựa vào các phương tiện thiện xảo chỉ là một con đường song song mang xu hướng tách ra ngày càng xa hơn với con đường đưa mình đến Giác ngộ). Một người giác ngộ và một người không giác ngộ cả hai đều là những con người như nhau ; vì vậy chúng ta đều có một cái gì đó giống với (in common with / cùng chung một thứ với) Đức

Phật và Đức Phật cũng có một cái gì đó giống với chúng ta (*lòng từ bi nóng bỏng đang bốc lên trong con tim mình chẳng hạn*). Điều mà chúng ta cần phải cố gắng thực hiện là phát huy những gì bên trong con người của mình giống với những gì bên trong con người của Đức Phật, và đây cũng là cách ngày càng làm giảm bớt đi sự khác biệt giữa mình và Đức Phật. Khi không còn một chút khác biệt nào nữa [giữa mình và Đức Phật] thì mình cũng sẽ trở thành một con người Giác ngộ [như chính Đức Phật] (*Đức Phật hiện ra với mình như một tấm gương để khuyến khích mình trở thành như chính Ngài với đôi mắt thật nhân từ đang đứng nhìn mình và gọi mình từ bên trong tấm gương đó. Đức Phật không hiện ra trong tấm gương để mình van vái và cầu xin Ngài. Sự Giác ngộ là cách bước vào tấm gương, nhưng không phải là một món quà mà Đức Phật đưa ra từ tấm gương để ban tặng mình*).

Tất cả những gì mà chúng ta có thể làm được là nói lên "tôi đây cũng là một vị Phật", hay ít nhất là một người mà mình tưởng tượng qua các bằng chứng còn lưu lại bên trong chính mình. Khi tôi quan sát các bằng chứng đó thì tôi có thể nhận thấy trong tôi có những cái gì đó giống với Đức Phật, và dù cho các phẩm tính đó nơi Đức Phật ở vào một cấp bậc cao siêu hơn gấp bội so với cấp bậc của tôi đi nữa, [thế nhưng] những lời giáo huấn (*Dharma / Đạo Pháp*) cho biết là tôi cũng có thể phát huy được các phẩm tính như vậy. Vì thế, tôi cứ tạm chấp nhận những lời ấy [và cho đó là hữu lý] để cố gắng xem tôi có thể thực hiện được như thế hay không? Chẳng hạn như một bản văn (*bản kinh*) cho biết Đức Phật có một tấm lòng nhân từ thật to lớn, đối với tôi cũng vậy, thỉnh thoảng tôi cũng phát động được lòng nhân từ, và đồng thời tôi cũng nghĩ rằng tôi

có thể làm hơn như thế, và tôi cố gắng thử xem tôi có thể biến tôi trở thành nhân từ hơn như thế hay không? Sau khi thử cố gắng và nhận thấy tôi có thể làm được thì khi đó tôi sẽ có thể kết luận "nếu tôi có thể mở rộng lòng nhân từ thêm một chút, thì nhất định tôi sẽ còn có thể tiếp tục mở rộng thêm một chút nữa, và cứ thế tôi sẽ mở rộng hơn và rộng hơn nữa". Và cứ thế mà chúng ta tiếp tục (*đó là con đường đúng, con đường đó của người bồ-tát tuy xa tít thế nhưng dường như ngày càng gần lại*).

Những điều nêu lên trên đây hướng thẳng vào việc tu tập của chúng ta. Dù Đức Phật đã được chứng minh là một con người sống thật [như chính chúng ta], thế nhưng khi nào chúng ta chưa đủ sức phát động được một sự cố gắng nhỏ nhoi nào để thu ngắn khoảng cách giữa mình và Đức Phật, thì dù mình có phát lộ được lòng tin của mình nơi Đức Phật, lòng tin đó cũng sẽ chẳng mang một ý nghĩa nào cả. Tóm lại việc tu tập là một sự cải thiện liên tục, xuyên qua sự cải thiện đó chúng ta sẽ dần dần cảm thấy hạnh phúc hơn và hợp nhất hơn (*chúng ta thường xuyên ở trong tình trạng phân tâm thật trầm trọng, thế nhưng chúng ta không hề ý thức được điều đó. Tâm thức chúng ta bung ra khắp hướng, biến đổi liên tục, chưa suy nghĩ xong chuyện này đã nhảy sang chuyện khác, xúc cảm này chưa giảm xuống đã dấy lên xúc cảm khác. Năng lực tâm thần của chúng ta do đó sẽ bị phân tán khắp nơi. Tu tập là hợp nhất năng lực đó bên trong nội tâm mình, mang lại cho mình một tâm thức cô đọng, thẳng băng, và thanh thản hơn. Cố gắng tập trung vào Đức Phật, đến gần với Đức Phật hầu thu ngắn khoảng cách giữa mình và Đức Phật, là cách tạo ra cho mình một thể dạng tâm thần hợp nhất và hạnh phúc hơn). Bên trong chúng ta luôn có một cái gì đó giúp mình nhận biết được con đường mà*

mình đang bước theo có đúng hay không đúng, và cái gì đó chính là các xúc cảm bên trong chúng ta ngày càng trở nên tích cực hơn, và theo đó chúng ta cũng ngày càng trở nên ý thức hơn (*các phương tiện thiện xảo chỉ tạo ra các tác động tạm thời và hời hợt mà thôi*).

Khi nào bạn cảm thấy mình khỏe mạnh, thì sẽ không có bất cứ ai có thể bảo với bạn rằng "Này bạn, tại sao trông bạn có vẻ bệnh hoạn đến thế!". Cũng vậy, tương tự như trường hợp bạn cảm thấy khỏe mạnh trên đây - dù chỉ được một lúc nào đó cũng vậy - nếu bạn cảm thấy trong lòng mình tràn đầy tình thân thiện, lòng từ bi và các mối quan tâm đến kẻ khác, thì sẽ không có bất cứ ai có thể bảo bạn là không đi đúng con đường. Khả năng tự nhiên của một con người ý thức là vượt lên trên chính mình, vì vậy khi nào bạn cảm thấy mình vượt được lên trên chính bạn thì có nghĩa là con đường mà bạn đang bước theo là con đường đúng, bởi vì con đường đó phù hợp với bản chất nội tâm sâu kín nhất bên trong chính bạn.

Có lúc bạn cảm thấy mình nở rộ như một đóa hoa, thế nhưng cũng có lúc bạn cảm thấy cuộc sống tâm linh của mình (*sự tu tập của mình*) chẳng khác gì như trèo lên một đỉnh núi. Hai cách vận hành đó phản ánh bản chất của bodhicitta (*tâm thức giác ngộ / bỏ đề tâm*). Bodhicitta tuyệt đối là sự Giác ngộ (*là đóa hoa nở rộ*), trong khi đó bodhicitta tương đối (*tương tự như trèo lên đỉnh núi*), là bodhicitta trong tình trạng kéo dài chờ đạt được sự Giác ngộ. Sự kết hợp giữa cả hai thể dạng bodhicitta đó chính là sự thực hiện tối hậu (*sự Giác ngộ*). Vì vậy trong cuộc sống tâm linh (*sự tu tập*), chúng ta thường xuyên ở trong tình trạng đang thực hiện một cái gì đó mà chúng ta đã có sẵn (*bodhicitta ở thể dạng nở rộ hay đang*

phải trèo lên một đỉnh núi để đạt được nó). Chúng ta phải thực hiện cả hai thứ đó cùng một lúc, tức là ý thức được những gì mình đã có, đồng thời mình cũng phải vượt thoát ra khỏi chính mình để thực hiện nó. Nếu chỉ thực hiện được một trong hai thứ thì chúng ta sẽ bị mất thăng bằng. Chúng ta chỉ có thể hình dung sự kết hợp giữa hai thể dạng đó qua sự tương tượng hay trong một giấc chiêm bao (*oneiric, dreamlike / một hình thức siêu thực, ảo giác hay cõi mộng*). Chẳng hạn như khi bạn vừa thức giấc và nhớ lại trong giấc ngủ vừa qua bạn nằm mơ thấy mình đang đi du lịch tại Ấn độ, thế nhưng đồng thời thì bạn cũng thấy mình đang vẽ một cành hoa. Bạn không hiểu gì cả mà chỉ biết là phải chấp nhận có hai chuyện khác nhau xảy ra trong cùng một giấc mơ đó. Phần tri thức trong lúc tỉnh táo của bạn nhận thấy có một sự xen kẽ giữa hai thứ ấy, thế nhưng qua sự cảm nhận siêu thực (*oneiric / tương tự như trong cõi mộng*) thì thật hết sức lạ lùng, bạn nhận thấy hai thứ xảy ra cùng một lúc, khiến tri thức bạn không sao nắm bắt (nhận thức) được. Cuộc sống tâm linh (*việc tu tập*) thường là như vậy (*có lúc sự Giác ngộ vụt hiện lên với mình một cách tự nhiên, thế nhưng cũng có lúc sự giác ngộ ấy cũng chỉ đơn giản là một ý niệm, một sự cảm nhận phản ảnh một sự cố gắng nào đó. Sự hòa lẫn giữa hai thể dạng đó có thể là do dòng tri thức của mình chưa hoàn toàn thoát ra khỏi sự hiện hữu vật chất của mình, bởi vì thế giới hiện tượng chung quanh mình đang còn trực tiếp liên hệ với*

Bures-Sur-Yvette, 05.01.22

Hoang Phong chuyển ngữ

Giới thiệu Tổng Quát về AI

Thầy Thích Huyền Châu - Sakya Buddha University



Nam mô bốn sư Thích Ca Mô Ni Phật Bát
Đại chứng minh

Chương trình **AI** Dharma trân trọng kính
chào quý khán thính giả.

Hôm Nay chúng ta đến với chương-trình
mới của đại-học Sakya Buddha. Chương-
trình **AI** Dharma là chương-trình gì thưa
liệt quý vị? **AI** chúng ta có thể hiểu đó là trí tuệ
nhân tạo. Và Dharma là chánh pháp của Như-
lai. Chúng ta cũng có thể hiểu rằng trí-tuệ
nhân-tạo và Chánh-pháp của Như-lai. Hay
người con Phật của chúng ta làm cách nào
đề xử dụng trí-tuệ nhân-tạo để phục vụ cho
con đường Hoàng-Pháp lợi sinh.

Thưa quý vị chúng ta thử tìm hiểu xem
cuộc sống hiện tại **AI** đã chi phối đời sống
của con Phật của chúng ta như thế nào trên
toàn cầu? Hôm nay **AI** đã có thể

a) Thay thế người ta viết những đơn xin

việc hoặc

b) Thi viết văn. **AI** viết hay hơn con người

c) Sự thay đổi của tâm lý do vậy hôm nay
người ta đã dùng **AI** để

d) Làm công việc tuyển nhân sự mà không
cần dùng người đứng ra điều hành công việc
tuyển chọn này nữa. do vậy người viết một
đơn xin việc, người ta không còn nghĩ rằng
viết đơn cho người đọc vừa ý mà viết làm
sao cho **AI** vừa ý thì tốt hơn.

e) Trong Y khoa, **AI** được dùng vào công
việc trị liệu – gần đây chúng tôi có đọc một
số tin tức – có một nhà khoa-học vật-lý-học
ông đã dùng **AI** để theo dõi các bệnh trạng
của mình, đồng thời đưa ra những giải pháp
điều trị. Quả thật Y khoa không thể nào điều
trị bệnh ung thư của ông nhưng **AI** lại giúp
ông tự điều trị và lành bệnh trong vòng một

năm.

f) Các nhà học giả viết một bộ tự điển cần 10 năm và với phối hợp của hai học giả nổi tiếng! Nhưng **AI** làm cùng công việc này chỉ cần hai ngày rưỡi chưa tới ba ngày!

g) **AI** có thể chuyển mọi lời nói của chúng ta sang tất cả các ngôn-từ khác nhau. **AI** có thể giả giọng nói và

h) **AI** có thể đọc được những suy nghĩ trong tâm của chúng ta – chúng tôi có được vị giáo-sư người Ấn-Độ chia xẻ đó là bà ngồi trước cái điện thoại **AI** và bà suy nghĩ rằng chiều nay mình nên ăn cái gì? Thực phẩm mua từ đâu? Cách thức nấu nướng thế nào cho hợp lý với sức khỏe hiện tại? Và khi mở màn hình ra thì **AI** đã gợi ý cho bà nên mua thực phẩm chỗ nào gần nhất rẻ nhất, công thức nấu nướng ra sao, và món ăn gì cho phù hợp sức khỏe của bà trong hiện tại. Do vậy chúng ta mới thấy **AI** có thể đọc được một phần sự suy nghĩ của con người.

i) Người ta còn sử dụng **AI** để theo dõi thị hiếu của người tiêu dùng. Trước đây người ta phải làm những bảng hỏi (khảo sát) độ chừng 85 câu là tối thiểu và khảo sát trong một vùng gồm chỉ 1000 người ở - với nhiều tầng bậc địa vị khác nhau trong xã-hội với một thông-số ngẫu nhiên. Qua đó người ta có thể rút ra thị hiếu của người tiêu dùng hay rút ra nhu cầu của thị trường do tâm lý người tiêu dùng. Tất cả ngành khoa-học xã-hội-học giúp người ta những điều này! Nhưng ngày hôm nay công việc này đã được thay thế bởi **AI** với chủ đích cao, xa hơn như: để định hình một dòng tư duy khảo sát thị hiếu tìm hiểu sở thích của người tiêu dùng và từ đó phác họa ra một lộ trình phát triển kinh tế - các nhà kinh tế học quan tâm sâu-sắc vấn-đề này và đặc biệt các hãng lớn người ta đã vận dụng kỹ nghệ thông minh này để người ta tìm kiếm và chiếm ưu thế trong việc đầu tư. Người ta còn dùng **AI** để

tích lũy và phân tích thị-trường chứng-khoán – từ đó người ta định hướng nên đầu tư vào mặt hàng nào và tiên liệu được thị-trường chứng-khoán lên xuống như thế nào.

Chúng tôi chỉ liệt kê vài thông tin như vậy mà thôi! Thế giới ngày nay nó như vậy Thưa quý vị, tại sao **AI** có mặt? Đơn giản đó là nhân loại ai cũng mong muốn tìm cầu một môi trường sống có hạnh phúc mà phương tiện để đưa đến hạnh phúc nào tốt nhất, nhanh nhất hiệu quả nhất thì con người ta có xu hướng tìm kiếm – vì vậy hôm nay người ta đã sử dụng trí tuệ nhân-tạo để tìm kiếm một phương-tiện trong cuộc sống này. Và theo đà phát triển này chúng tôi tin liệu rằng khoảng 10 năm có thể là 7 năm **thế giới này sẽ thay đổi toàn diện những thói quen sinh hoạt cơ bản của con người. Y như là một cỗ xe mà không ai có thể ngăn cản tiến trình di chuyển của nó nổi.** Nếu như ngồi trên một cỗ xe mà chúng ta không thể nào điều khiển được nó. Chắc hẳn chúng ta sẽ gặp phải những rủi ro nguy hiểm do vậy cho nên: Nếu không lìa được cỗ xe chúng ta phải hiểu cỗ xe đó và có khả năng định hướng lái nó về với mục đích (với địa chỉ nào chẳng hạn) cho an toàn. Đây là 2 điều mà chúng ta phải làm: **Hiểu và khả năng định hướng.**

Suy ra nếu Phật-Giáo không sử dụng trí-tuệ nhân-tạo thông minh này trong việc hoằng-pháp lợi-sinh thì trong tương lai kia Phật-Giáo sẽ như thế nào? Tất nhiên **AI** là một cỗ máy thông minh là một robot mà thôi! Tất nhiên nó không thể khởi lòng Từ, lòng Bi, lòng Hi, lòng Xả. **AI** không thể tự tập thiền định được... Nhưng tất cả kiến thức mà **AI** có thể cung cấp cho chúng ta, khả năng tích lũy của nó, Xử lý thông-tin của nó nhanh chóng và hiệu quả hơn trí não của chúng ta. **Đây chính là một điều đáng sợ** bởi vì thua quý-vị cho dù

muốn hay không **AI** cho dù thông-minh chừng nào đi nữa nhưng cũng phải cần có **cơ sở dữ liệu để AI có thể suy nghĩ**. Nói cách khác **AI** cần có hình hài thân-kinh não bộ nhưng không có chất liệu tư-duy, không có kiến thức để tư-duy, thì cái khối óc và sự thông-minh đó cũng trở nên vô-nghĩa. Vì thế cho nên chúng ta người Phật-Giáo có thể định hình cho **AI** một dòng suy nghĩ theo chiều hướng được quy định trên tam-tạng thánh-giáo của Như Lai. **Bởi lẽ trong tam-tạng thánh-giáo của Như Lai chứa đựng những ngôn-từ miêu tả những trạng thái hạnh-phúc Thiên-định. Những trạng thái hạnh phúc mà trên thế gian này không ai có thể thấu triệt được trừ đức Thế-tôn.**

Cho nên chúng ta sử dụng những lời dạy của ngài để lập trình cho **AI** suy nghĩ và qua đó **AI** có thể đem lại những hạnh phúc to lớn tuyệt vời cho cộng-đồng cho nhân loại. Những điều như vậy là những điều chứa đựng tham vọng to lớn mà đại-học Shakya của chúng ta đã hướng tới và thành tựu.

Hôm nay những lời này góp ý và khởi điểm cho một chương-trình mới tại đại-học Sakya Buddha. Và trong tham vọng giáo-dục chúng tôi sử dụng **AI** cho chương-trình giáo-dục tại đại-học Sakya Buddha. **Chương-trình này không phải là một chương-trình thực hiện ngay từ bây giờ trên Phương diện của ứng dụng mà đây là một chương-trình sáng tạo.**

Cách đây hai ba ngày (cuối tháng hai 2025) chúng tôi đã quyết định xây dựng một đội ngũ gồm toàn những khoa-học kỹ-thuật trẻ cũng như may mắn được một vị giáo-sư mới về hưu từ đại-học UC Berkeley và chuyên về công nghệ **AI** nhận lời làm cố-vấn và qua các giáo-sư lỗi lạc chúng tôi tiếp cận được các nhà **AI** lớn với nền công-nghệ hiện đại nhất! Chúng tôi hy vọng rằng qua các chuyên lãnh này chúng ta sẽ xây dựng

một môi-trường giáo-dục học-thuật mới mà có thể **AI** thay mặt con người để điều hành đúng lớp làm rất nhiều công việc khác nhau trong giáo-dục!

Và tất nhiên con người của chúng ta không lý nào trước sự xuất hiện của AI chúng ta lại thất nghiệp toàn bộ hay sao? không! Không phải vậy vì **AI** đâu sao đi nữa cũng là một cỗ máy biết suy nghĩ mà thôi! Nhưng nó suy nghĩ những gì định hướng của nó như thế nào tất cả những điều đó **phải do lập trình** con người của chúng ta tạo dựng và quy định cho nó! **Đây chính là một điều tối quan trọng trong đời sống hiện tại của chúng ta thừa quý-vị.**

Tại sao tối-quan-trọng vì chúng ta cứ nghĩ xem một cỗ máy biết suy nghĩ mà người định hình cho tư duy của nó (a) không dựa trên hạnh phúc Niết-Bàn (b) không dựa trên lòng từ vô-lượng của giáo-pháp Như Lai mà ngược lại nó được dựa trên tư tưởng chiến tranh, trên những tham vọng tàn-phá thì chúng ta thấy chẳng mấy chốc **AI** có thể hủy hoại cộng-đồng. Một bom nguyên tử nếu có thể thả xuống hủy hoại nửa quả địa cầu, nhưng con người của nửa quả địa-cầu bên kia vẫn có thể còn sống sót. Nhưng chúng ta hãy thử nghĩ xem một cỗ máy thông minh mà đi vào trong chiến-tranh, được lập trình với tư tưởng chiến tranh thì chuyện gì sẽ xảy ra cho nhân loại? Con người chúng ta khó có thể sống sót trước cỗ máy này. **Đây chính là một thao thức một nỗi niềm mà chúng tôi nỗ lực quyết định xây dựng cho một chương-trình AI Dharma.** Trong tâm của chúng tôi rất tự tin chương-trình này thừa quý-vị. Vì trong trí-tuệ thanh-tịnh không tỳ vết của Đức Như Lai và lòng từ-bi thanh-tịnh của ngài đều là những cảm hứng bất tận của những con người có lương tri trên quả địa cầu này! Làm sao để nhân-loại có được lòng từ-bi và có được trí-tuệ, có được hạnh

phúc như Đức Thế Tôn Thích-ca Mâu-ni. Đây là một thách đố cho loài người và đó cũng là một lý do tại sao loài người chúng ta trên 2600 năm, hết lớp này đến lớp khác giữ gìn truyền bá Chánh Pháp của Như Lai, thì AI (là trí tuệ khoa-học nhân-tạo) và dharma (là chánh pháp của Như Lai) sẽ **cần có sự tương tác hỗ trợ vận dụng một cách mật-thiết**. Để chúng ta có thể xây dựng cho nhân-loại một nền tảng học-thuật, một nguồn hạnh phúc bất tận. Đây chính là những gì mà chương-trình AI của chúng ta quyết định sẽ thành lập và định hình trên đó!

Tất nhiên trong buổi nói chuyện hôm nay chúng tôi không có trình bày nhiều hơn, nó chỉ mang tính giới thiệu ra mắt sáng lập một chương-trình khoa-học phục vụ cho Phật-Giáo mà thôi! Và ngày hôm sau chúng ta sẽ tiếp tục những đề tài nhỏ nhỏ khác – đó là AI và Phật-Giáo hay tác hại của AI đối với Phật-Giáo như thế nào, hoặc lợi lạc của AI đối với Phật-Giáo như thế nào! Hoặc là Phật-Giáo định hình cho AI bằng cách nào? Và người Phật-Giáo cống hiến được gì cho trí-tuệ nhân-tạo này để góp phần định hình cho dòng suy nghĩ của nhân-loại trong công nghệ thông minh này?

Thưa quý vị đó là những đề tài rất hấp dẫn và sau này chúng ta sẽ có những vị giáo-sư chia sẻ, tham dự vào chương-trình này.

Hôm nay trân trọng cảm ơn quý vị đã lắng nghe và quan tâm tới chương-trình mới của đại-học Sakya Buddha: đó chính là chương-trình AI Dharma!

Trân trọng cảm ơn quý vị đã lắng nghe vài lời gợi ý của chúng tôi. Kính chúc quý-vị thân tâm thường an lạc

<https://www.youtube.com/watch?v=LMKcCBALsNo&t=150s> (để nghe lại bài 1)

Pháp Cú

HT. Thích Minh Châu dịch

Phẩm Bà La Môn
414

*Vượt đường nguy hiểm này,
Nhiếp phục luân hồi, si,
Đến bờ kia thiên định
Không dục ái, không nghi,
Không chấp trước, tịch tịnh,
Ta gọi Bà-la-môn.*



CÓ THUYỀN VỀ BẾN CHÂN TÂM

Khoảng Không! Khoảng Không!
Mang mang ... Bất tận ...
Khoảng Không ! Mây trắng bành bồng!
Khoảng Không ! Thơ Việt mênh mông ... đoạn trường ...

Tháng Tư ! Hài Tưởng ! Tang Thương !
Tháng Tư 49 năm trường Điều Linh ...
Vào Thơ. Ai Viết tâm tình,
Lòng Đau ! Quốc Nạn! thương mình, thương ai ...

Chỉ nghe tiếng Gió thổi dài !
Ngàn năm u uân ... thương hoài Quê Xưa ...
Thôi về, đóng cửa Thầm Ru !
Nằm im đi nhé... Tháng Tư Sầu Dài ...

Trăng khuya soi sáng Rừng Mai !
Hội Chuông Bát Nhã ... Cứu Đời trầm luân,
CÓ THUYỀN VỀ BẾN CHÂN TÂM
Rừng khuya Mai Nở ! Ngát Xuân An Bình ...

Lâng Lâng Khúc Hát Ru Tình !
Trăng Xanh Mâu Nhiệm ! Gió Lành Muôn
Phương ...

TUỆ NGÀ

Oregon, Miền Tây Bắc

Tâm Tín hay Tâm Tưởng

Ni Sư Trí Hải thuật (Truyện có thật)

Vào khoảng năm 1978, chùa chúng tôi xảy ra một biến cố làm cho tất cả mọi người có thêm kinh nghiệm rùng rợn về tái sinh và nghiệp báo. Nếu biến cố này xảy ra trước 75 thì chắc chắn những tờ nhật báo tha hồ khai thác để làm tiền thiên hạ, và chùa chúng tôi cũng sẽ bị ảnh hưởng không ít vì cái cảnh dập dìu tài tử giai nhân đua nhau tới chùa tìm hiểu sự vụ hồng kiểm chứng những lời tường thuật của báo chí. Nhưng vì sự cố đã xảy ra vào một thời rất căng cho các chùa chiền, thêm nữa chùa chúng tôi ở nơi thật hẻo lánh trên núi thì còn ai biết được một sự cố hi hữu đã xảy đến.

Đương sự hiện nay là một ni cô đã ngoài ba mươi, tốt nghiệp đại học và đang ở Sài Gòn để theo cao học. Một hôm về thăm chôn tổ - chùa Trúc Lâm nằm trên đường đi lăng Khải Định - chúng tôi gặp nhau và nhân lúc cao hứng y đã kể lại chuyện đời của y cho tôi nghe.

Tâm Tưởng - pháp danh cô bé lúc mới vào chùa - trước kia vào khoảng 1978, là một *nữ sinh viên đại học Sư phạm Huế* sắp ra trường. Cả gia đình y không ai biết đạo Phật là cái gì cả. Y đang lưu trú trong cư xá của đại học vì nhà ở tận dưới quê xa. Một hôm y về thăm nhà, ở lại trong căn phòng nhỏ, thức đêm ôn bài cho kỳ thi tốt nghiệp sắp tới. Giữa khuya, thành linh có một con rắn lớn bò qua cửa sổ vào phòng. Y hét lên, đánh thức cả nhà. Cha y đang ngủ nhòm dậy, cầm cây then cửa phóng về hướng con rắn và lập tức đập nó chết.

Không lâu sau đó, ông tự nhiên bỏ ăn bỏ uống, nằm dài suốt ngày này qua tháng khác, thân hình mỗi lúc một tiêu tụy. Chở đi bệnh viện thì bác sĩ không khám phá ra được bệnh gì, đành về nhà nằm tiếp. Cô gái trở lại đại học xá, đang học thi thì bỗng được tin cha chết. Cô chạy như bay về nhà, vào lúc giữa trưa đứng bóng. Cô chạy ngay giữa đường xe hơi nhưng kỳ lạ thay, không bị một chướng ngại gì suốt cả quãng đường dài gần 20 cây số. Người cha đã được khâm liệm bỏ vào quan tài, khăn kín mít chỉ chờ cô về để đưa ma vì phải làm theo giờ giấc mà ông thầy coi lịch số đã định.

Cô gái hùng hổ từ ngoài chạy vào nhà, gạt tất cả mọi người ra mà đâm bổ vào nơi đặt quan tài cha. Đến nơi, cô dùng hai tay trần bứt tất cả giây nịt quan tài, mở tung cái nắp hòm, moi vớt ra mọi vật dụng tấm liệm rườm rà phủ trên xác chết cho đến khi lộ gương mặt thầy ma. Rồi cô dùng 10 ngón tay cào cấu gương mặt ấy cho rách nát xong chạy ra giữa đường cười ha hả la lên: "**Ta đã trả được mối thù! Ta đã trả được cả hai mối thù!**"

Mọi người quá bất ngờ không kịp phản ứng vì cứ ngỡ cô gái thương cha muốn tới gần quan tài để khóc lóc cho hả. Đến khi cô làm mọi sự nói trên một cách chớp nhoáng, họ không kịp trở tay và vô cùng kinh ngạc trước sức mạnh phi thường của cô gái đang bị quỷ nhập. Nhiều người đàn ông lực lưỡng xông vào can ngăn nhưng đều bị gạt cho té nhào. Sau đó hồn ma ứng vào miệng cô để đọc lên một bài thơ dài, theo đó người ta được biết câu chuyện đại khái như

sau: Nguyên kiếp trước cô là một người đàn ông có vợ; người đàn ông này ngoại tình và lại còn về giết vợ. Người vợ chết trong tâm trạng uất hận nên đã tái sinh làm con rắn, còn người đàn ông (có lẽ do nghiệp ngoại tình) tái sinh làm cô gái trong đời hiện tại. (Thảo nào gương mặt cô bé do ấn tượng tiền kiếp vừa qua, không mang vẻ nữ tính cho lắm). Con rắn bò vào nhà toan mổ cô gái để trả mối thù xưa, thì lại bị cha cô đánh chết. Thần thức của người đàn bà bị tình phụ kiếp trước - tức của con rắn bị giết kiếp này - đã nhập vào cô con gái, bắt cô phải cào nát mặt cha cô.

Khi tỉnh dậy nghe thuật lại những gì mình đã làm, cô gái vô cùng đau khổ. Gia đình cô cũng từ đây càng ngày càng sa sút. Hồn ma báo oán không những nhập vào cô gái làm cô khi tỉnh khi say mà còn khiến tất cả các thành viên trong gia đình cũng trở nên dờ dờ ương ương từ ngày cha cô chết. Đôi khi vào những ngày "thất thất trai tuần" của người cha, vị thầy đang tụng kinh phải rợn óc vì tiếng cười rùng rợn của tất cả mọi người trong gia đình đang quỳ sau lưng.

Cô gái bỏ học, về nhà thức suốt ba đêm thấp hương giữa trời cầu khẩn vị nào có phép thần thông (cô chưa hề biết Phật) xin hãy giải mối oan khiên nghiệp chướng cho cô. Lời cầu nguyện của cô đã cảm đến một vị thiên sư trong cõi vô sắc. Vị ấy nhập vào xác cô gái bắt người anh phải đưa cô lên chùa Trúc Lâm xin Hòa thượng thế phát quy y. Trong nhà không ai biết đến chùa và Hòa thượng, nhưng cô gái cương quyết bảo người anh cứ theo cô là được. Nói xong cô gái lôi người anh chạy như bay giữa đường trường gần 20 cây số lên tới chùa Trúc Lâm.

Tới nơi trong khi người anh sụp lạy Hòa thượng trụ trì như té sao, xin Hòa thượng cứu cho em gái, thì cô gái cứ

đứng sừng sững ngang nhiên nhìn Hòa thượng mà mỉm cười. Hòa thượng quắc mắt nhìn cô gái, quát lên: - "Quý xuống". Hồn ma trong xác cô vẫn không quy phục, cứ nhìn chăm chặp vào Hòa thượng mà cười ngạo nghễ. Khi Hòa thượng rút con roi bằng gỗ dâu sấp giáng lên người cô gái và quát lần thứ hai "quý xuống" thì cô gái mới từ từ quỳ xuống, nhưng vẫn nhìn Hòa thượng mà mỉm cười nói: - "Vì muốn độ cho nữ này mà tôi phải quỳ trước sư đệ".

Theo những gì xác cô gái nói, thì đây là một thiên sư (mang một cái tên bằng tiếng Phạn) đã viên tịch 200 năm, hiện trú cõi vô sắc, vì cảm lời cầu khẩn của cô gái nên muốn giúp cô ta đi tu để giải thoát oan nghiệp nhiều đời giữa cô và con rắn. Theo vị thiên sư thì giữa đời bên đã có oan nghiệp từ 500 năm chứ không phải mới đời trước và đời này. Thiên sư yêu cầu Hòa thượng độ cho cô gái xuất gia. Hòa thượng bèn gửi cô gái qua chùa ni bên cạnh cho sư trưởng tôi dạy bảo. Khi tỉnh cô gái sinh hoạt rất bình thường và tuyệt nhiên không nhớ được điều gì đã xảy ra trong khi vị thiên sư mượn xác cô để nói chuyện với Hòa thượng. Cũng do áp lực vô hình của vị thiên sư, cô lên trường đại học Sư phạm nhiều lần xin nghỉ học để xuất gia, nhưng nhà trường không chấp thuận. Cuối cùng một chuyện kỳ lạ xảy đến làm cho bạn bè và nhà trường phải chấp thuận cho cô nghỉ học vì lý do bệnh thần kinh. Mỗi lần bước vào cổng trường là cô tự nhiên bị câm không thể nói một tiếng nào cho đến khi ra khỏi cổng. Nhiều lần như vậy trước sự chứng kiến của những nhân viên trong trường, nên họ phải làm chứng cho cô được nghỉ học vì bệnh điên. Trở về chùa, cô gái hành điệu như tất cả những người tập sự xuất gia khác, nhưng thỉnh thoảng cô lại bị oan hôn con rắn (mà cũng là bạn đời trong kiếp trước) nhập

vào xác đê quấy nhiễu, trách móc về chuyện không lo tu hành, có tư tưởng xấu, muốn bỏ về nhà. Mỗi lần như vậy xác cô gái lại bị một trận đòn như tử của sư trưởng tôi. Một hôm sau khi bị đòn, cô gái khóc lóc đến quỳ trước sư trưởng mà bạch:

- Bạch sư trưởng, sư trưởng đánh con oan ức lắm. Y có ý nghĩ thôi lui về nhà không muốn tu, nên con mới phá y. Con chỉ muốn cho y tu hành để giải oan nghiệp giữa con và y mà thôi.

Sư trưởng tôi bảo hồn ma:

- Bây giờ ta quy y cho người. Hãy theo Phật, đừng theo nó nữa, người chịu không?

- Dạ, dạ, thế thì tốt lắm, bạch sư trưởng. (Hồn ma có vẻ mừng rỡ, mượn xác cô gái để bày tỏ sự cảm ơn). Xin sư trưởng quy y cho con luôn. Sư trưởng tôi làm phép thọ tam quy y cho cả cô gái lẫn hồn ma đang mượn xác cô. Hồn ma được pháp danh Tâm Tín, còn cô gái pháp danh là Tâm Tướng. Từ đây cô gái được yên ổn tu hành không bị quấy nhiễu. Bẵng đi một đạo khá lâu, bỗng một đêm kia, sau giờ "chỉ tịnh" (khoảng 9 giờ tối, giờ mà tất cả tu sĩ trong chùa đều leo lên bồ đoàn để tọa thiền niệm Phật trước khi nằm xuống ngủ), cô gái xông xộc chạy vào "liêu" của sư trưởng trong khi người đang nhập thiền. Người quát hỏi:

- Ai đó? Tâm Tín hay Tâm Tướng? Cô gái trả lời ngay : - "Dạ con là Tâm Tín". Cô bé thị giả đang hầu quạt cho sư trưởng (vì lúc đó vào mùa an cư khí trời khá nóng nực) nghe mà ớn lạnh toàn thân, cả mình rờn ớn. Sư trưởng bình tĩnh dạy:

- Ta đã bảo người hãy để yên cho nó tu, sao cứ theo nó hoài? Người còn muốn theo

nó tới bao giờ nữa? Có phải như vậy là cả người lẫn nó cùng khổ cả không? Hồn ma tỏ lộ sự vui vẻ, nói qua xác cô gái:

- Dạ, dạ bạch sư trưởng, con không theo nó nữa! Con chỉ muốn đến báo cho sư trưởng một tin mừng là con đã tìm được chốn đầu thai. Xin cảm tạ sư trưởng! Nói xong cô gái chạy về chỗ ở dành cho chúng điếu, và từ đây hồn ma không bao giờ trở lại. Nghe xong chuyện ni cô kể (khi kể chuyện này thì cô gái đã là một tỷ kheo ni trong đạo) tôi cũng cố được vài kinh nghiệm bổ ích cho việc tu hành. Trước hết là tính cách giả dối tạm thời của giới tính như nam hoặc nữ và của sinh vật như người hay súc sinh. Khi bị vô minh làm mờ ám thì người nam si mê người nữ và ngược lại, mà không ý thức được rằng hai yếu tố nam, nữ không có gì là chắc thực cố định. Mỗi người qua quá trình luân chuyển, ai cũng đã vô số lần khi mang thân người nam, khi khoác lột người nữ, cho nên hai thứ mặc cảm tự tôn (khi mang thân nam nhi) và tự ti (khi khoác hình hài nữ nhân) đều vô lối; lại nữa bản chất mỗi người đều có đủ cả hai yếu tố nam nữ không ai thiếu ai. Chính cái cảm giác thiếu thốn tưởng tượng ấy đã đẻ ra vô số vấn đề xã hội và tâm lý.

Thứ hai, chẳng những nam nữ là huyền hóa mà người và súc sinh cũng thay nhau như bỡn. Ta không thể quyết chắc mình sẽ được mãi mãi làm người. Nếu vô tình nổi một niệm sân si trước khi chết là ta có thể thác sinh làm rắn rết như chơi. Tỉ như người đàn bà bị phụ tình đời trước, vì chết trong cơn tức tối mà đã tái sinh làm thân rắn trong đời này, bất kể oan hay ung. Vậy thì điều cốt yếu là đừng nên thù hiềm bất cứ ai, vì sẽ rất hiểm cho chính bản thân mình.

Nên trong kinh Di Giáo đức Phật có

dạy: "Nếu ai cắt xẻ thân thể người ra từng mảng từng đoạn, cũng đừng vì thế mà ôm lòng giận dữ." Lạy Phật! Mong sao cho tất cả mọi người đều ý thức được hạnh phúc hiếm có mình đang hưởng (là được tái

sinh làm thân người) để lo tu học theo chánh pháp, không bỏ lỡ dịp may hiếm có này.

Trích nội san Tuệ Uyển, số 4, tháng 07/95
(Người gửi bài: Trần Tiến)

Cách Chúng Ta Chết - Suy ngẫm về Chương Cuối của Cuộc Đời

Nguyên tác tiếng Anh:

How we die_ reflections on life's final chapter

LỜI NGƯỜI DỊCH

Gửi những linh hồn đồng cảm, những người tận tâm trong lĩnh vực chăm sóc giảm nhẹ, chăm sóc cận tử và các con cái sẵn sàng chăm sóc cha mẹ trong những ngày cuối đời, giữa bệnh tật hay tuổi già. Cuốn sách này được một cô gái trẻ, không chuyên ngành y, nhưng đầy tâm huyết và tận tụy chuyên ngữ.

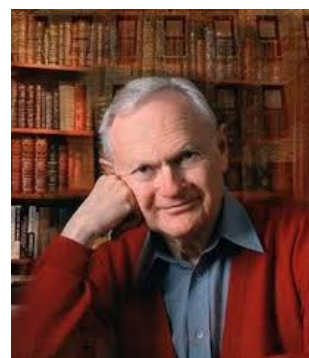
Như lời phát biểu của một vị sư già: "Chúng ta nhìn thấy những gì ở tâm nhìn của mình [tức là trình-độ]." Vì vậy, Quyên chỉ có thể mang đến bản dịch chân thành nhất, dù biết không sánh ngang nguyên bản tiếng Anh hay trọn vẹn ý đồ tác giả. Phần nào nghĩ rằng sẽ gây khó hiểu hoặc giúp người nào muôn tra cứu lại bằng tiếng Anh, Quyên sẽ footnote nguyên văn tiếng Anh ở chân trang. Bản dịch có thể có sai sót về chính tả, ngữ nghĩa hay thuật ngữ. Xin hãy nhìn nhận với lòng rộng lượng, vì Quyên làm việc một mình, không có ai hỗ trợ. Mọi đóng góp, vui lòng gửi về quyentrungga@gmail.com. Cuối cùng, người dịch dành tặng cuốn sách này cho người bạn thân yêu - Harley. P/S: Quyên không phải nhân viên y tế, Quyên bán trứng gà ác và yến sào

MỤC LỤC

Lời Người Dịch

Về Tác Giả
Lời Cảm Ơn
Lời Giới Thiệu
Chương I. Trái Tim Bị Xiết Chặt
Chương II. Một Lá Valentine Và Lý Do Tại Sao Nó Không Thành Công
Chương III. Tuổi Thất Tuần
Chương IV. Ngưỡng Cửa Tử Thần Của Người Cao Tuổi
Chương V. Bệnh Alzheimer
Chương VI. Án Mạng Và Bình Yên
Chương VII. Tai Nạn, Tự Tử Và Cái Chết Êm Dịu
Chương VIII. Câu Chuyện Về Bệnh Aids
Chương IX: Sự Sống Của Virus Và Cái Chết Của Con Người
Chương X. Sự Ác Độc Của Bệnh Ung Thư
Chương XI. Hy Vọng Và Bệnh Nhân Ung Thư
Chương XII. Bài Học Rút Ra 285 Lời Kết

VỀ TÁC GIẢ



(Thông tin cập nhật từ Goodread — cập nhật bởi người dịch)

Sherwin B. Nuland Sinh: tại The Bronx, New York, Hoa Kỳ, ngày 8 tháng 12, 1930
Mất: ngày 3 tháng 3, 2014

Sherwin Nuland là một bác sĩ phẫu thuật người Mỹ và cũng là nhà văn, đã giảng dạy về đạo đức sinh học và y học tại Trường Y Đại học Yale.

Ông là tác giả của cuốn sách "How We Die" (Cách Chúng Ta Chết) - một bestseller của The New York Times và đoạt giải National Book Award. Nuland còn viết cho các tạp chí danh tiếng như The New Yorker, The New York Times, The New Republic, Time, và New York Review of Books. Tìm hiểu thêm tại www.goodreads.com

Những Lời Ngợi Khen Dành Cho "Cách Chúng Ta Chết" của Sherwin B. Nuland
"Câu chuyện này được kể bởi một người quan sát tinh tế... đã chứng kiến nhiều, suy tư sâu sắc và ghi chép lại mọi thứ với khả năng miêu tả xuất chúng... Suy ngẫm của Nuland... thể hiện sự hoài nghi có chừng mực, thấm nhuần lòng trắc ẩn đầy nhân văn." - Washington Post Book World
"Một phong cách diễn đạt mạnh mẽ... mô tả không ngừng nghỉ, rõ ràng và sinh động về những con đường dẫn đến cái chết của đời người." - The New York Times
"Mạnh mẽ và tinh tế, không khoan nhượng và không mù quáng như bất kỳ điều gì tôi đã đọc." - Oliver Sacks
"Nuland đưa ra những gì mà hầu hết mọi người đã từng trải qua cái chết đều công nhận là lẽ thường... [Ông] không lãng tránh những ảnh hưởng văn hóa của nghề nghiệp mình... Bạn không thể đọc "Cách Chúng Ta Chết" mà không trở nên tỉnh táo về cơ thể mình, dù chỉ là... để đặt ra những câu hỏi không thể nói ra. Bạn đặt cuốn sách xuống chỉ để muốn đọc tiếp." - The New Yorker
"Chân thực đến ngở

ngàng... phá bỏ mọi mộng tưởng về những gì xảy ra khi cơ thể ngừng hoạt động." - Newsweek
"Bất kỳ ai chưa thực sự nhận thức được sự chết chóc của bản thân... chắc chắn sẽ bị thay đổi một cách sâu sắc bởi cuốn sách này... Đây là tri thức mà tất cả chúng ta đều nên biết." - USA Today
"Nuland pha trộn cái nhìn lâm sàng của một bác sĩ chuyên nghiệp với... sự suy tư đầy cảm xúc và triết lý." - Newsday

Sherwin B. Nuland — CÁCH CHÚNG TA CHẾT
Sherwin B. Nuland, Bác sĩ, là tác giả của "Các Bác Sĩ: Tiểu Sử Y Học" (Doctors: The Biography of Medicine). Ông dạy phẫu thuật và lịch sử y học tại Yale, kiêm Biên Tập Văn Học của "Connecticut Medicine" và Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị của "Tạp Chí Lịch Sử Y Học và Các Khoa Học Liên Quan". Ngoài viết nhiều bài báo y khoa, ông còn đóng góp cho "The New Yorker", "The New Republic", và tạp chí "Discover". Cuốn sách của ông, "Nguồn Gốc Của Gây Mê" (The Origins of Anesthesia), là một phần của "Thư Viện Kinh Điển Y Học" (Classics of Medicine Library). Tiến sĩ Nuland và gia đình ông sống tại Hamden, Connecticut. Các sách khác cũng được viết bởi Bác sĩ Sherwin B. Nuland
Nguồn gốc của gây mê (The Origins of Anesthesia)
Các bác sĩ: Tiểu sử y học (Doctors: The Biography of Medicine)
Thuốc men: Nghệ thuật chữa lành (Medicines: The Art of Healing)
Khuôn mặt của lòng thương xót (The Face of Mercy)

Dành tặng các anh trai của tôi, Harvey Nuland và Vittorio Ferrero

"...cái chết có hàng ngàn cánh cửa khác nhau Cho con người tìm lối ra."

LỜI CẢM ƠN

Nhà văn thế kỷ 18, Laurence Sterne, từng nói rằng 3 viết lách "không gì khác ngoài một hình thức của đối thoại". Nội dung và giọng điệu của một cuốn sách hay bài luận được quyết định bởi cách mà tác giả cảm nhận về phản ứng dự kiến của người đọc đối với mỗi câu văn khi nó được hình thành trên trang giấy - người đọc luôn là một phần không thể thiếu. Cuốn sách bạn sắp đọc ra đời chỉ với một mục đích duy nhất: đối thoại với những người muốn hiểu cái chết diễn ra như thế nào. Tôi đã cố gắng lắng nghe và hiểu cách một người đọc có thể phản hồi với những gì tôi trình bày. Bằng cách lắng nghe cẩn thận, tôi hy vọng có thể đáp lại mọi phản hồi một cách ngay lập tức và rõ ràng nhất có thể. Tuy nhiên, cuộc đối thoại trong những chương này chỉ là đỉnh cao của những cuộc trò chuyện khác mà tôi đã có trong suốt cuộc đời mình - với gia đình, bạn bè, đồng nghiệp và đặc biệt là bệnh nhân của tôi - những người đã ở bên cạnh tôi và từ họ tôi tìm kiếm trí tuệ để hiểu rõ hơn về ý nghĩa của cuộc sống và cái chết. Tìm kiếm trí tuệ trong lời nói của người khác dễ dàng hơn nhiều so với việc tìm thấy nó trong trải nghiệm của họ. Tôi đã tìm kiếm nó ở mọi nơi tôi nghĩ rằng có thể tìm thấy. Ngay cả khi tôi không nhận ra rằng mình đang học hỏi từ một trong số vô số người đàn ông và phụ nữ mà cuộc sống của họ đã giao thoa với cuộc đời tôi, họ vẫn luôn dạy tôi, thường là không hề biết đến món quà họ đã trao cho tôi. Mặc dù phần lớn kiến thức được học một cách tinh tế và không được nhận biết như vậy bởi cả người nhận và người trao, rất nhiều kiến thức lại phát triển từ loại hình trò chuyện quen thuộc hơn: sự trao đổi trực tiếp bằng lời nói giữa hai người. Trong trường hợp của tôi, những cuộc đối thoại sâu rộng nhất đã diễn ra không liên tục trong nhiều

năm hoặc thậm chí hàng thập kỷ, trong khi một số khác chỉ diễn ra trong quá trình viết cuốn sách này. Nếu "cuộc hội thảo [làm nên] người sẵn sàng" 4 như Francis Bacon đã nói, thì tôi đã được chuẩn bị sẵn sàng cho "Cách Chúng Ta Chết" qua vô số giờ cùng với những con người phi thường. Một số đồng nghiệp của tôi trong Ủy ban Đạo đức Sinh học tại Bệnh viện Yale-New Haven đã không ngừng làm sắc bén thêm hiểu biết của tôi về những vấn đề quan trọng mà không chỉ bệnh nhân và chuyên gia y tế mà tất cả chúng ta đều phải đối mặt vào một thời điểm nào đó. Tôi đặc biệt biết ơn Constance Donovan, Thomas Duffy, Margaret Farley, Robert Levine, Virginia Roddy và Howard Zonanna. Cả riêng lẫn chung, họ đã cho tôi thấy một hình ảnh về đạo đức y khoa vừa nhân văn (và thậm chí còn tâm linh) vừa có kỷ luật trí tuệ. Lời cảm ơn cũng được gửi đến một thành viên khác của ủy ban, Alan Mermann, một bác sĩ nhi khoa đã tìm thấy sức sống mới như một mục sư Tin Lành và là linh mục của trường y khoa của chúng tôi. Ông đã rất hào phóng trong việc giúp tôi hiểu cảm giác như thế nào khi sinh viên y khoa và bệnh nhân sắp chết trở thành bạn bè và chia sẻ nỗi sợ hãi và hy vọng lẫn nhau. Ferenc Gyorgyey đã cung cấp nguồn tài nguyên lịch sử hùng hậu của bộ sưu tập tại Thư viện Cushing/Whitney của Yale, nhưng món quà lớn hơn nhiều trong suốt những năm qua chính là tài nguyên bao la của tình bạn và trí tuệ đa dạng của ông. Jay Katz, thông qua những cuộc trò chuyện và tác phẩm viết của mình, đã dạy tôi một sự nhạy cảm với quyết định y khoa vượt ra ngoài những sự kiện lâm sàng thuần túy của bệnh nhân và thậm chí cả những động cơ ý thức đường như quyết định lựa chọn phương án điều trị. Vợ tôi, Sarah Peterson, dạy tôi một loại nhạy cảm khác, đôi khi được gọi là lòng từ thiện và đôi khi được gọi là tình yêu.

Trong lòng từ thiện hay tình yêu có sự hiểu biết về quan điểm của người khác và còn có niềm tin không bao giờ tắt. Theo truyền thống của Sarah: "Dù tôi nói bằng lưỡi của loài người và của thiên thần mà không có tình yêu, tôi trở thành như một chiếc kèn vang dội hay một chiếc chũm chọe kêu leng keng." Ở đó chứa đựng một bài học lớn không chỉ cho cá nhân mà còn cho các quốc gia và nghề nghiệp - đặc biệt là nghề nghiệp y khoa của tôi. Trong suốt thập kỷ qua, tôi đã hưởng lợi từ tình bạn của Robert Massey. Với tư cách là một bác sĩ nội trú thực hành, một trưởng khoa y khoa, và một nhà sử học y khoa cũng như là một nhà bình luận về hiện tại và tương lai của nó, Bob Massey đã truyền đạt cho nhiều thế hệ đồng nghiệp bác sĩ của mình một chiều sâu hiểu biết và một ý thức nghĩa vụ y khoa vượt qua những mối quan tâm nhất thời của thời điểm và những mối quan tâm hẹp hòi của giới nghề nghiệp. Tôi đã tận dụng tình bạn của ông bằng cách biến ông thành bằng âm thanh của mình, người tiên tri của mình, và thậm chí là cơ quan thẩm quyền của mình cho những ẩn dụ cổ điển, chưa kể đến ngữ pháp Latinh. Gần như không có gì trong cuốn sách này mà ông và tôi không thảo luận. Niềm tin của ông vào giá trị của công việc này đã là nguồn năng lượng yên bình cho tôi trong suốt nhiều tháng làm việc. Mỗi chương của "Cách Chúng Ta Chết" đều đã được một hoặc nhiều chuyên gia trong lĩnh vực nội dung đó xem xét. Trong mọi trường hợp, những gợi ý quan trọng đã được đưa ra từ quá trình đọc này, góp phần đáng kể vào khả năng của tôi trong việc làm rõ ràng nội dung. Các chương về tim mạch đã được Mark Applefeld, Deborah Barbour, và Steven Wolfson đánh giá; phần về lão hóa và bệnh Alzheimer bởi Leo Cooney; mục về chấn thương và tự tử bởi Daniel Lowe; các chương về AIDS bởi Gerald Friedland và Peter Selwyn; các khía

chạm lâm sàng và sinh học của ung thư bởi Alan Sartorelli và Edwin Cadman; cuộc thảo luận về mối quan hệ bác sĩ-bệnh nhân bởi Jay Katz. Các chuyên gia trong những lĩnh vực này sẽ dễ dàng nhận ra tên của từng người tư vấn của tôi - tôi tự hào khi ghi chép lại chúng ở đây. Họ đã hỗ trợ tôi nhiều hơn mong đợi. Nhiều người đã giúp tôi trả lời các câu hỏi cụ thể và tìm kiếm nguồn thông tin: Wayne Carver, Benjamin Farkas, Janis Glover, James M. L. N. Horgan, Ali Khodadoust, Laurie Patton, Johannes van Straalen, Mary Weigand, Morris Wessel, Ann Williams, Yan Zhangshou, và thư ký tận tâm của tôi, Rafaella Grimaldi. G. J. Walker Smith đã xem xét một loạt bài giảng pháp y cùng tôi và giúp đặt những phát hiện của nó vào ngữ cảnh của quá trình thoái hóa do tuổi tác. Một buổi sáng được dành cùng Alvin Novick đã mở rộng tầm mắt tôi về các khía cạnh chính trị và cực kỳ cá nhân của AIDS mà trước đây tôi chỉ mới đoán biết - có lẽ không dễ dàng gì cho AI khi phải bày tỏ nỗi đau trong trái tim vẫn đang tiếc thương của mình với một người xa lạ, nhưng rồi anh ấy đã tìm thấy sức mạnh để làm điều đó, và tôi sẽ không quên những gì anh ấy đã dạy tôi. Irma Pollock, người tôi ngưỡng mộ từ thuở nhỏ, đã nói chuyện với tôi qua nỗi đau khi nhớ lại bi kịch của bệnh Alzheimer, bởi vì bà muốn giúp đỡ người khác. Câu chuyện của bà đã củng cố niềm tin của tôi vào sức mạnh của tình yêu vị tha. Toàn bộ nội dung của "Cách Chúng Ta Chết" đã được đọc bởi nhiều người từ các lĩnh vực khác nhau, và những nhận xét của họ đã chứng tỏ là cực kỳ hữu ích trong quá trình xem xét cuối cùng của tôi: Joan Behar, Robert Burt, Judith Cuthbertson, Margaret DeVane và James Ponet. Không cần phải nói, Bob Massey và Sarah Peterson đã đóng góp nhiều ý kiến phê bình quan trọng khi họ xem xét công việc đang phát triển, từng

chương một. Phong cách của Bob là từ bi và ngoại giao, nhưng người phụ nữ tên Peterson kia thì không khoan nhượng trong việc theo đuổi những gì tôi đã gọi ở nơi khác là "nhận biết sự lan man và ngăn chặn sự lạc hướng." Tôi luôn thực hiện những thay đổi khi cô ấy chỉ ra - ngay cả lòng từ thiện của cô ấy cũng có giới hạn của nó. Và cuối cùng, tới những người bạn mới của tôi trong thế giới xuất bản. "Cách Chúng Ta Chết" bắt nguồn từ tâm nhìn của Glen Hartley - không chỉ ý tưởng mà ngay cả tiêu đề cũng là của anh ấy. Theo gợi ý của Dan Frank, anh ấy và Lynn Chu đã tìm gặp tôi và trao cho tôi một sứ mệnh mà tôi không thể từ chối. Bản thảo cuối cùng đã được lọc qua bộ óc biên tập khéo léo của Dan; chỉ có tác giả của anh ấy mới có thể hoàn toàn đánh giá cao giá trị của sự hướng dẫn như vậy. Sonny Mehta đã dẫn dắt dự án này bằng đôi tay nhẹ nhàng của mình từ khi bắt đầu cho đến khi kết thúc, với tư cách là biên tập viên, nhà xuất bản và người hỗ trợ chính. Nếu có một đội hình all-star trong ngành xuất bản, thì chắc chắn đây phải là nó.

Người ta nói rằng trong thế kỷ 20, chúng ta không còn các vị thần Muses, nhưng tôi đã tìm thấy một vị. Bà ấy tên là Elisabeth Sifton, và tôi đã cố gắng xử lý ý tưởng và ngôn ngữ Anh sao cho phù hợp với sự mong đợi của bà. Tôi không mong chờ điều gì hơn ngoài sự chấp nhận của bà. Có một câu của Laurence Sterne áp dụng cho "Cách Chúng Ta Chết" ("How We Die") mà tôi rất tâm đắc: "Trí tuệ của mỗi người phải xuất phát từ tâm hồn của chính họ, không phải từ bất kỳ ai khác." Đây là cuốn sách của riêng tôi. Dù có nhận được cảm hứng và sự đóng góp từ biết bao người khác, tôi vẫn khẳng định mỗi phần của nó - mỗi ý tưởng và mỗi hiểu lầm, mỗi sự thật và mỗi sai lầm, mỗi suy

nghĩ có ích và mỗi lý giải không cần thiết - đều là của tôi. Chúng không thuộc về ai khác. "Cách Chúng Ta Chết" không thuộc về ai khác bởi vì cuốn sách này bắt nguồn từ tâm hồn tôi.

S. B. N.

LỜI GIỚI THIỆU

Mọi người đều muốn biết những chi tiết về cái chết, dù ít ai dám thừa nhận điều này. Dù là để chuẩn bị cho bản thân trước những sự kiện của bệnh tật cuối đời, hay để hiểu rõ hơn về những gì đang xảy ra với người thân yêu đang đối mặt với cái chết, hoặc có lẽ do sự quyến rũ bẩm sinh với cái chết mà chúng ta đều chia sẻ - chúng ta được thu hút bởi suy nghĩ về kết thúc của cuộc sống. Đối với hầu hết mọi người, cái chết vẫn là một bí ẩn ẩn giấu, càng được quyến rũ bởi sự sợ hãi mà nó mang lại. Chúng ta bị hấp dẫn không thể cưỡng lại bởi chính những nỗi lo sợ mà chúng ta thấy đáng sợ nhất; chúng ta bị lôi cuốn bởi chúng thông qua một sự hứng khởi nguyên thủy phát sinh từ việc đùa giỡn với nguy hiểm. Bướm đêm và lửa, loài người và cái chết - không có gì khác biệt. Chẳng ai trong chúng ta dường như có khả năng tâm lý để đối diện với ý tưởng về cái chết của chính mình, với ý tưởng về một trạng thái vô thức vĩnh viễn nơi không có sự trông rỗng hay chân không - nơi chỉ đơn giản là không có gì cả. Nó cảm thấy hoàn toàn khác biệt so với cái "không" mà trước khi có cuộc sống. Như với mọi nỗi kinh hoàng và cảm dỗ khác đang hiện hữu, chúng ta tìm cách phủ nhận sức mạnh của cái chết và sự bám giữ lạnh lẽo mà nó nắm giữ trên suy nghĩ của con người. Sự gần gũi liên tục của nó luôn là nguồn cảm hứng cho các phương pháp truyền thống mà chúng ta cố tình và không cố tình che giấu thực tế của nó, như truyện

cổ tích, ẩn dụ, giấc mơ, và thậm chí là truyện cười. Trong những thế hệ gần đây, chúng ta đã thêm vào một cái mới: Chúng ta đã tạo ra phương pháp "chết một cách hiện đại". Cái chết hiện đại diễn ra trong bệnh viện hiện đại, nơi nó có thể bị ẩn giấu, được làm sạch khỏi sự ô nhiễm hữu cơ của mình, và cuối cùng được đóng gói cho việc chôn cất theo phong cách hiện đại. Chúng ta giờ đây có thể phủ nhận không chỉ sức mạnh của cái chết mà còn cả quyền lực của tự nhiên. Chúng ta che giấu khuôn mặt của mình khỏi nó, nhưng vẫn hơi hé ngón tay ra, bởi vì có một điều gì đó bên trong chúng ta không thể cưỡng lại việc muốn nhìn lên. Chúng ta tạo ra những kịch bản mà chúng ta khao khát thấy được thực hiện bởi người thân yêu của mình khi họ đang đối mặt với cái chết, và những màn trình diễn này thành công đủ để duy trì sự mong đợi của chúng ta. Niềm tin vào khả năng của một kịch bản như vậy từ lâu đã là truyền thống của các xã hội phương Tây, nơi mà trong quá khứ, một cái chết tốt đẹp được coi trọng như là sự cứu rỗi cho linh hồn và là một trải nghiệm nâng đỡ cho bạn bè và gia đình, được ca ngợi trong văn học và biểu đạt hình ảnh của "ars moriendi", nghệ thuật lâm chung. Ban đầu, "ars moriendi" là một nỗ lực tôn giáo và tinh thần, được mô tả bởi nhà in thế kỷ 15 William Caxton như là "nghệ thuật để chết cho sức khỏe của linh hồn con người." Theo thời gian, nó đã phát triển thành khái niệm về cái chết đẹp, thực sự là cách đúng đắn để chết. Nhưng "ars moriendi" ngày nay trở nên khó khăn bởi chính thực tế của những nỗ lực ẩn giấu và làm sạch - đặc biệt là ngăn chặn - dẫn đến những cảnh tượng cuối đời xảy ra trong những nơi ẩn giấu chuyên biệt như các đơn vị chăm sóc tích cực, cơ sở nghiên cứu ung thư, và phòng cấp cứu. Cái chết tốt đẹp ngày càng trở thành một huyền thoại. Thực tế, nó luôn phần lớn là một huyền thoại,

nhưng chưa bao giờ nhiều như ngày nay. Thành phần chính của huyền thoại là khát vọng lý tưởng về "cái chết có phẩm giá". Không lâu trước đây, trong phòng khám của mình, tôi gặp một luật sư 43 tuổi, người mà tôi đã phẫu thuật vì bệnh ung thư vú giai đoạn đầu ba năm trước. Dù cô ấy đã không còn bệnh và hy vọng sẽ được chữa khỏi hoàn toàn, cô ấy tỏ ra khá bất an trong ngày hôm đó. Cuối cuộc thăm khám, cô ấy hỏi có thể ở lại thêm một chút để trò chuyện không. Sau đó, cô ấy bắt đầu kể về sự ra đi gần đây của mẹ mình ở một thành phố khác vì căn bệnh mà chính cô gần như chắc chắn đã được chữa khỏi. "Mẹ tôi chết trong đau khổ," cô ấy nói, "và dù các bác sĩ đã cố gắng hết sức, họ không thể làm cho mẹ tôi dễ dàng hơn. Đó không phải là cái kết yên bình mà tôi đã mong đợi."

Tôi tưởng tượng rằng nó sẽ là một trải nghiệm tâm linh, chúng tôi sẽ nói về cuộc đời của mẹ, về hai chúng tôi ở bên nhau. Nhưng điều đó chưa bao giờ xảy ra - có quá nhiều đau đớn, quá nhiều Demerol 5." Và rồi, trong một cơn giận dữ đầy nước mắt, cô ấy nói, "Bác sĩ Nuland, cái chết của mẹ tôi không có phẩm giá!" Bệnh nhân của tôi cần rất nhiều sự đảm bảo rằng không có gì bất thường về cách mẹ cô qua đời, rằng cô ấy không làm gì sai cản trở mẹ mình có được cái chết "có phẩm giá" mà cô ấy đã mong đợi. Tất cả nỗ lực và kỳ vọng của cô ấy đều trở nên vô ích, và bây giờ người phụ nữ rất thông minh này đang cảm thấy tuyệt vọng. Tôi đã cố gắng làm cho cô ấy hiểu rằng niềm tin vào khả năng của một cái chết có phẩm giá là cách chúng ta, và xã hội, cố gắng đối mặt với thực tế thường là một loạt các sự kiện phá hủy liên quan đến bản chất sự tan rã của nhân tính của người sắp chết. Tôi ít khi thấy nhiều phẩm giá trong quá trình chúng ta chết. Nỗ lực đạt được phẩm

giá thực sự thất bại khi cơ thể chúng ta không còn khả năng. Đôi khi, và chỉ đôi khi, một số người may mắn có được hoàn cảnh cái chết đặc biệt, phản ánh tính cách độc đáo của họ. Tuy nhiên, sự kết hợp may mắn như vậy hiếm gặp và không nên được kỳ vọng bởi hầu hết mọi người. Tôi đã viết cuốn sách này để làm sáng tỏ quá trình chết, không phải để vẽ nên một bức tranh kinh hoàng về chuỗi sự kiện đau đớn và đáng ghê tởm, mà để trình bày nó dưới góc độ sinh học và lâm sàng, qua cái nhìn của những người chứng kiến và trải nghiệm nó. Chỉ khi chúng ta thảo luận một cách thẳng thắn về mọi chi tiết của cái chết, chúng ta mới có thể đối mặt tốt nhất với những điều khiến chúng ta sợ hãi. Hiểu biết sự thật và chuẩn bị cho nó giúp chúng ta loại bỏ nỗi sợ hãi trước terra incognita của cái chết, qua đó chấm dứt sự tự lừa dối và mất mộng.

Trên thế giới có rất nhiều tác phẩm văn học nói về cái chết và quá trình chết. Phần lớn nhằm mục đích giúp mọi người đối phó với tổn thương tình cảm liên quan đến quá trình đó và hậu quả của nó; chi tiết về sự suy giảm thể chất thường không được nhấn mạnh. Chỉ trong các tạp chí chuyên ngành, chúng ta mới tìm thấy mô tả về quá trình thực tế các bệnh khác nhau làm chúng ta kiệt sức và cuối cùng lấy đi sinh mạng. Sự nghiệp và trải nghiệm suốt đời của tôi về cái chết đã xác nhận nhận định của John Webster rằng quả thật có "hàng nghìn cánh cửa khác nhau cho con người ra đi". Tôi mong muốn thực hiện lời cầu nguyện của nhà thơ Rainer Maria Rilke: "Lạy Chúa, ban cho mỗi người chúng con cái chết của riêng mình." Cuốn sách này đề cập đến những cánh cửa và lối đi dẫn đến chúng; tôi đã nỗ lực viết nó sao cho, trong phạm vi các hoàn cảnh cho phép, chúng ta có thể lựa chọn cái chết của mình. Tôi đã lựa chọn sáu hạng mục bệnh lý phổ

biến nhất hiện nay [tại thời điểm trước 1993], không chỉ bởi vì chúng bao gồm các bệnh lý chết người sẽ lấy đi phần lớn chúng ta, mà còn vì chúng đại diện cho các quá trình tự nhiên mà ai cũng sẽ trải qua khi đối mặt với cái chết. Dùng tuần hoàn, thiếu oxy cung cấp đến mô, suy giảm chức năng não, hồng học cơ quan, phá hủy các trung tâm sống còn – đây là vũ khí của mỗi kỹ sĩ tử thân. Hiểu biết về chúng giúp giải thích cách chúng ta chết bởi những căn bệnh không được mô tả cụ thể trong cuốn sách này. Các bệnh tôi chọn không chỉ là những con đường dẫn đến cái chết phổ biến nhất, mà còn là những con đường mà dấu chân của mỗi người chúng ta đều từng bước qua, bất kể sự hiếm có của căn bệnh cuối cùng. Mẹ tôi qua đời vì ung thư đại tràng chỉ một tuần sau sinh nhật lần thứ 11 của tôi, và sự kiện này đã làm nên cuộc đời tôi. Tôi coi mọi thành tựu và những gì tôi chưa đạt được, đều có thể liên kết trực tiếp hoặc gián tiếp với cái chết của mẹ. Khi tôi bắt đầu viết cuốn sách này, anh trai tôi mới qua đời hơn một năm vì cùng một căn bệnh. Trong cả sự nghiệp và đời sống cá nhân, tôi đã sống bên cạnh bóng dáng của cái chết suốt hơn nửa thế kỷ và dành gần như toàn bộ thời gian đó để làm việc trong bầu không khí nặng nề của nó, ngoại trừ 10 năm đầu. Đây là cuốn sách nơi tôi sẽ chia sẻ những bài học mà tôi đã rút ra. New Haven Tháng 6 năm 1993 Sherwin B. Nuland

GHI CHÚ CỦA TÁC GIẢ

Ngoại trừ Robert DeMatteis, tên của tất cả bệnh nhân và gia đình họ đã được thay đổi để bảo vệ bí mật. Đáng chú ý, "Bác sĩ Mary Defoe", xuất hiện trong Chương VIII, thật ra là sự tổng hợp của ba bác sĩ trẻ tại Bệnh viện Yale-New Haven.

(Còn tiếp)

Niệm Phật cầu vãng sanh Tây phương Tịnh độ

Huệ Giáo

Cú ngữ: “Niệm Phật cầu vãng sanh Tây phương Tịnh độ” như là bản nguyện sơ phát tâm và cũng là bảo sở của tất cả hành giả tu tập theo pháp môn Tịnh độ. Nhưng, tại sao chỉ có vãng sanh về Tây phương Tịnh độ, trong khi đó cõi tịnh độ có rất nhiều, có bao nhiêu vị Phật là có bao nhiêu tịnh độ, cho đến các vị Bồ-tát, La-hán, Thanh văn vẫn có tịnh độ của các Ngài, đến chúng sanh phàm phu cũng có cõi nước của mỗi loài, như cõi Ta bà này cũng có thể gọi là cõi nước lương nguyện: Thánh phàm đồng cư độ.

Trong mười phương thế giới mà chúng ta học được từ lời Phật dạy, đã có vô lượng tịnh độ như: Tịnh độ Lưu ly của Phật Dược Sư ở phương Đông, Tịnh độ Chúng hương của Phật Hương Tích ở cõi Trên. Tịnh độ của Phật Di Lặc ở cung trời Đâu suất v.v... Tất cả tịnh độ này đều không tự nhiên mà có, chính là một quá trình nỗ lực đoạn tận lậu nghiệp, tiến tu công đức mới thành tựu được một cõi tịnh độ thanh tịnh trang nghiêm như thế. Khoa học hiện đại cũng đã chứng minh cho chúng ta biết, ngoài quả đất loài người đang sống vẫn còn có quá nhiều thiên hà sai biệt đang tồn tại và mỗi ngày được hé mở, nhưng đó có phải là tịnh độ hay không thì còn tùy thuộc vào bản nguyện nhân quả của thánh phàm.

Mục đích thành tựu tịnh độ của chư Phật và Bồ-tát là vì muốn để hóa độ chúng sanh, như vậy có chúng sanh nào chí tâm phát nguyện vãng sanh về Tây phương Tịnh độ thì ắt phải được vãng sanh về cõi đó và một khi đã được vãng sanh thì đã dự vào quả vị Bất thối chuyển, và cùng đi vào một lộ trình. Cũng như, có chư Phật và Bồ-tát vì bản

nguyện cứu độ chúng sanh trong các cõi uế trước thì theo bản nguyện đó mà các Ngài thị hiện cõi Ta bà, ngũ trước ác thế này.

Tuy vậy, cõi Tây phương Tịnh độ của Phật A Di Đà lại được lưu ý và nhấn mạnh hơn tất cả các cõi tịnh độ khác? Bởi lẽ, trong giáo pháp của Phật Thích Ca Mâu Ni và trong các kinh - luận Đại thừa đều khen ngợi cõi Tịnh độ phương Tây và làm chỗ để quy hướng cho chúng sanh trong đường mê và nẻo ngộ. Vì cũng là bản nguyện của Phật A Di Đà đã được Phật Thích Ca chứng minh và ca ngợi. Điều này cũng cho chúng ta thấy, tịnh độ của chư Phật đều sai khác bởi bản nguyện của các Ngài. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni theo bản nguyện cứu độ chúng sanh ở cõi khổ đau và ô trược, lấy cảnh giới khổ đau làm địa cứ, làm tập nhân để hóa độ. Đức Phật A Di Đà tùy theo tâm nguyện dùng cảnh giới trang nghiêm, quả nhân làm điểm đích để hóa độ chúng sanh. Đây cũng chỉ là sự phương tiện bản nguyện nhưng cùng một mục tiêu là hóa độ chúng sanh.

Tại sao, chúng ta tin sâu trong cõi thánh phàm Ta bà này có uế trược phiền não và thanh tịnh trang nghiêm, tất cả đều lưu xuất từ bản tâm thanh tịnh hay phiền não mà tạo dựng nên cảnh giới đó, Niết-bàn ngay đây và bây giờ. Vậy người học Phật, niệm Phật cầu vãng sanh lại không tin sâu sắc; vẫn còn nghi ngờ khi các tập nhân thanh tịnh của chúng ta không có thể tạo dựng được cảnh giới thanh tịnh trang nghiêm, như cõi Tây phương Tịnh độ được Phật A Di Đà giới thiệu, hay vãng sanh Tây phương Tịnh độ khi chánh nhân viên mãn.

Một khi đã phát nguyện niệm Phật để cầu vãng sanh Tây phương Tịnh độ, cũng chính là lúc chúng ta biết rõ đường về, biết rõ hành động rời bỏ ứ trước và hướng tới thanh tịnh trang nghiêm. Người niệm Phật không còn gì để nghi ngờ, có nghi ngờ chẳng đó là niềm tin, nguyện thiết và nỗ lực của chúng ta có sâu rộng hay không?

Hơn nữa, niệm Phật như thế nào để thành tựu chánh nhân công đức, đó mới chính là điều người học Phật cần lưu ý. Niệm Phật để tịnh hóa thân tâm, tạo dựng chánh báo trang nghiêm từ y báo lưu xuất thì không có điều gì để chúng ta nghi ngờ việc không thành tựu. Chỉ khi nào người niệm Phật với tâm cầu xin cứu độ mà không hề có cải thiện tâm thức của mình thì đó mới là sai lệch. Niệm Phật đặt trọng tâm cầu mong, hay nói cách khác chỉ có tha lực mà không có nỗ lực, tự lực chuyển hóa thì kết quả sẽ không bao giờ xảy ra, tịnh độ sẽ không có hiện hữu khi chúng sanh vẫn là chúng sanh luôn hướng về sự cầu xin, cứu rỗi, điều đó cũng đã đi ngược lại bản nguyện của chư Phật và lời phát nguyện của Phật A Di Đà. “Nếu có chúng sanh nào phát nguyện niệm danh hiệu của Ta từ một cho đến mười niệm nhất tâm bất loạn thì sẽ sanh vào nước Ta”. Đã nhất tâm bất loạn thì không có việc nhân, ngã, chúng sanh, thọ giả tướng, Ta bà hay Tịnh độ phương Tây, ứ trước hay thanh tịnh, đó là cứu cánh, vượt qua ngưỡng cửa phương tiện mà chư Phật đã mở bày.

Tự tánh Di Đà, duy tâm tịnh độ, quyết ngữ này lại lần nữa khẳng định cho chúng ta nhớ rõ, tất cả đều lưu xuất từ bản tâm. Bản tâm thanh tịnh thì cảnh giới thanh tịnh lưu xuất, tâm ứ trước thì Ta bà ngũ trước hiện hữu.

Tuy nhiên, dù là tâm ứ trước hay thanh tịnh của chúng sanh vẫn không tạo thêm sự sai khác của các cảnh giới mà chỉ có cư ngụ vào

cảnh giới bởi do tâm thức của chúng ta tạo ra. “Quốc độ của chúng sanh là Phật độ của Bồ-tát”⁽¹⁾. Muốn có được những tâm thức đó, cần phải minh định rõ con đường chúng ta đang đi và nhân duyên chúng ta đang kết, quả vị chúng ta hướng đến.

“Trực tâm là tịnh độ của Bồ-tát; khi Bồ-tát thành Phật, các loại chúng sanh không đua vạy sẽ sinh về đó. Thân tâm là tịnh độ của Bồ-tát; khi Bồ-tát thành Phật, các chúng sanh có đầy đủ các phẩm chất sẽ sanh về đó. Bồ đề tâm là tịnh độ của Bồ-tát; khi Bồ-tát thành Phật, chúng sanh Đại thừa sẽ sanh vào đó”⁽²⁾. Chỉ bấy nhiêu câu kinh đây, cho chúng ta biết rằng dù tu tập theo pháp môn nào chẳng nữa, cũng phải trang bị đầy đủ những phẩm chất như vậy, chứ không phải chỉ niệm Phật bằng tiếng, bằng âm thanh, sắc tướng, thì vẫn không đủ thực hiện được một cõi tịnh độ nào, chứ đừng nghĩ đến sanh về Tây phương Tịnh độ.

Tây phương Tịnh độ là cảnh giới trang nghiêm từ sự tích tập công đức, từ những chánh nhân đã viên mãn, từ bản tâm thanh tịnh mà Đức Phật A Di Đà đã giới thiệu cho chúng sanh biết. Khi một chúng sanh nào đã sanh về đó thì đã tham dự vào hàng lớp thanh tịnh hóa tâm, mà tâm đã được đồng hóa với bản tánh thanh tịnh thì không còn thối chuyển, ngược lại luôn được thăng tiến, vững chãi trên đường đạo, cho đến ngày thành tựu Bồ-đề khi nỗ lực phước trí trang nghiêm.

Do vậy, một khi chúng ta nỗ lực niệm Phật, luôn nuôi dưỡng tâm thức thanh tịnh và quyết chí cầu sanh về Tây phương thì nhân như thế chắc chắn quả cũng như thế, không hề sai biệt và hư dối.

Trong cõi Thánh phàm đồng cư độ, là người học Phật chưa hội đủ nhân duyên, tánh giác

để phân biệt được thánh phàm hiện hữu đó đây, chúng ta nên giữ niềm tin sâu sắc vào bốn nguyện của chư Phật và Bồ-tát phát nguyện rộng lớn để hóa độ chúng sanh, làm kim chỉ nam trên bước đường học đạo. Và tin sâu rằng, sự nỗ lực của chúng ta không hề sai mất dù chỉ một mảy may niệm khởi, khi khởi niệm dù thiện hay ác, trong vòng quay nhân quả tất cả đều tròn đầy và dung chứa cho đến khi nhân hội đủ, quả liền thành tựu. Cuối cùng, có niệm Phật, có phát tâm đồng mãnh và lập chí hướng về Tây phương, ắt có vãng sanh Tây phương Tịnh độ.

Huệ Giáo

¹ *Huyền thoại Duy Ma Cật*, Tuệ Sĩ, tr 38.

² *Duy Ma Cật Sở thuyết kinh*.

Hư Hư Lục

Thích Nữ Như Thủy

Ông Hoàng Lưu Lạc

Ngày xưa, ngày xưa có một vị hoàng tử chào đời trong sự vui mừng vô hạn của đức vua, hoàng hậu và thân dân cả nước. Cậu bé vương giả này lớn lên trong cung vàng điện ngọc, giữa sự cao sang tột đỉnh cũng như những nghi lễ rắc rối nhất trần đời của hoàng gia.

Như một mầm xanh thiếu nắng, vị hoàng tử thơ bé này đâm ra khao khát được chơi đùa chạy nhảy như bao nhiêu chú bé dân giả cùng trang lứa khác... nghịch đất, tạt nước, tung bụi vào bạn bè, la cà trên các hang cùng ngõ hẻm, đầu trần chân trụi chạy rong giữa phố phường... là những khát vọng khôn nguôi của hoàng tử. Cậu sẵn sàng đánh đổi cả ngai vàng để lấy một ngày tự do, thoát khỏi cặp mắt lạnh lùng của quan thái sư, sự canh phòng cẩn mật của quan thái giám, vòng dây của ngự lâm quân cũng như sự chăm sóc đến độ phiền toái của đám cung nữ doanh vầy.

Ô! Chỉ có một ngày thôi mà cũng xa vời hút khỏi

tâm tay như một cánh điều no gió thấp thoáng giữa bầu trời đầy mây mà hoàng tử thường bắt gặp sau các cành cây kẽ lá um tùm của vườn ngự vầy.

Ngày tháng trôi qua. Hoàng hậu lia trần lúc hoàng tử còn thơ bé quá... Đức vua lại lâm bệnh nặng, việc chăm sóc dạy dỗ hoàng tử được giao cho quan thái sư lớn tuổi, uy nghiêm và rất mực khó tính. Như một cánh chim phượng hoàng non dại, hoàng tử thường ngồi hàng giờ bên trang sách học tỳ tay vào cửa sổ của chiếc lồng son thả hồn mơ mộng đến ngày một cuộc tung cánh viễn du giữa bầu trời rực sáng...

Cái ngày chờ đợi ấy đã đến. Hoàng tử đòi y phục lẫn chỗ ở của mình cho một cậu bé ăn xin mà định mệnh đã xếp đặt cho hai chú bé giống nhau như đúc... Và chim phượng hoàng đã tung cánh trong một buổi chiều lãng gió.

Vừa bước chân ra khỏi cổng hoàng cung, hoàng tử đã không vờ lờ ra rằng cuộc đời của một chú bé thường dân không tự do và tươi đẹp như cậu bé lâm tưởng. Khi cởi bỏ lớp áo cao sang xinh đẹp của một ông hoàng thì cậu đã cởi bỏ luôn tất cả uy quyền cùng lợi lộc mà địa vị đã dành cho cậu từ tám bé. Bị tổn thương nặng nề, hoàng tử vội vã quay lại hoàng cung nhưng... đã quá muộn. Trong lớp áo ăn mày, chú bé có nguồn gốc vương giả chỉ nhận được những cái tát tai của bọn lính ngự lâm gác cổng.

Trận đòn đầu tiên trong đời là cho cậu bé nổi giận đến phát điên lên được. Nhưng cơn thịnh nộ của cậu chỉ làm khách bàng quan thương hại, kẻ qua đường ngạc nhiên, bọn trẻ con tò mò trêu chọc và sau cùng hoàng tử đành từ giã cung điện với những lần roi ngang dọc trên thân hình cùng tâm hồn ấu thơ của cậu.

Từ đó, hoàng tử bắt đầu sống một cuộc đời lưu lạc, lang thang của một kẻ ăn mày, cũng đầu trần chân trụi, y phục tả tơi, ăn bờ ngủ bụi như bao nhiêu kẻ vô gia cư khác, có khác chăng là lúc nào lòng dạ chú bé cũng nôn nóng nhớ đến phụ hoàng đang lâm bệnh nặng và chú bé không tài nào nuốt trôi được những thức ăn của khách hào tâm.

Rất mực chân thành, hoàng tử nói cho tất cả thân dân mà chú được diện kiến rằng mình sẵn sàng chia đôi vương quốc cho ai nếu đưa được chú bé trở về hoàng cung, nơi mà chiếc ngai vàng và những uy quyền tột đỉnh đang chờ chú bé. Nhưng ngoài hoàng tử ra, không có một ai tin lời chú. Mọi người đều trêu chọc và đối xử với chú bé như một thằng điên.

Niệm Phật như thế nào để nắm chắc phần vãng sanh? HT. Tịnh Không

Cả ngày từ sớm đến tối nắm chắc câu A Di Đà Phật, có thể vãng sanh hay không?

Hôm qua có một bạn đồng tu đến nói với tôi: anh cảm nhận rất sâu sắc tai nạn của thế gian rất nhiều và cũng cảm thấy sống trên thế gian này không có ý nghĩa gì. Tinh thần anh ấy rất sa sút và nói với tôi là: “Con cái gì cũng buông xuống hết rồi, con hiện tại nhất tâm niệm Phật, chỉ mong sớm một ngày được vãng sanh Tây Phương Cực Lạc Thế Giới”. Thế nhưng lại nói với tôi là: “Con hiện nay chỉ còn lại mấy vạn đồng, nếu như chỉ phí cho nhu cầu sinh hoạt dùng hết rồi thì cuộc sống của con sẽ thế nào?”.

Tôi nghĩ những người giống anh, giống cách nghĩ, cách làm của anh không chỉ có một mình anh mà thôi. Sự phát tâm như vậy rất tốt, nguyện vọng cầu sanh Tịnh Độ không thể nói là không khẩn thiết, thế nhưng có thể vãng sanh được không thì lại là vấn đề lớn. Tại sao không thể vãng sanh? Là vì anh làm sai rồi. Việc vãng sanh làm sao có thể vội vàng được chứ? Sốt ruột muốn vãng sanh, trên nguyên lý có thể nói như vậy nhưng cách làm lại không như pháp. Bạn vẫn lo sợ phí sinh hoạt của bạn dùng hết rồi, không còn tiền nữa, điều này có phải là tự gây phiền não cho mình hay không?

Cho nên tôi nói với anh là Phật trong kinh luận thường khai thị cho chúng ta, hết thấy đều phải tùy thuận tự nhiên. Công việc chúng ta cần làm hằng ngày thì vẫn làm như cũ, không chỉ nói người tại gia mà người xuất gia cũng không ngoại lệ.

Đại đức xưa có nói: “Làm Hòa Thượng một

ngày thì đánh chuông một ngày”. Chúng ta hằng ngày cần làm bốn phần công việc của mình cho thật tốt. Điều này gọi là học Phật.

Thế nào là buông xuống? Điều cần thiết buông xuống thì anh ấy không buông xuống, điều không nên buông xuống thì anh ấy lại buông xuống. Anh ấy đã thôi không làm công việc của mình nữa. Đây là điều không nên. Điều cần buông xuống chính là sự lo lắng trong lòng, sự bận tâm trong lòng. Đây là điều nên buông xuống, trong tâm chỉ có A Di Đà Phật, chỉ có thế giới Tây Phương Cực Lạc. Ngoài điều này ra đều phải buông xuống tất cả những lo lắng và bận tâm trong lòng. Như vậy mới gọi là thật sự buông xuống.

Anh thực hiện sai rồi, chứ không phải học Phật rồi thì không quan tâm đến gia đình nữa, công việc cũng không làm. Nếu mọi người đều học Phật như vậy thì Phật pháp sẽ không thể trụ tại thế gian này rồi. Vì sao vậy? Là vì phá hoại thế gian pháp.

Thế Tôn trong kinh luận thường khai thị cho chúng ta: “Phật pháp tại thế gian, không hoại thế gian pháp”. Bạn phá hoại thế gian pháp thì làm sao chấp nhận được chứ. Phật pháp không những không phá hoại thế gian pháp mà Phật pháp có thể tùy thuận thế gian pháp. Cho nên Phật pháp nhận được sự hoan nghênh của quần chúng rộng lớn. Đạo lý chính là chỗ này.

Các bạn nhất định phải hiểu được buông xuống là buông xuống ở trong tâm chứ không phải buông xuống trên mặt sự. Nếu trong tâm quả nhiên buông xuống rồi thì trên

mặt sự nhất định không có chướng ngại. Đó gọi là: “Lý sự vô ngại, sự sự vô ngại”. Nếu trên mặt sự nhất định phải buông xuống vậy thì Thích-ca Mâu-ni Phật cũng phải buông xuống rồi, đâu cần thiết phải giảng kinh thuyết pháp bốn mươi chín năm chứ? Bạn nghĩ xem chư Phật Bồ-tát vì chúng ta mà thị hiện. Tổ Sư Đại đức vì chúng ta mà diễn thuyết, chúng ta từ chỗ này mà thể hội để không hiểu sai đi dụng ý của Phật.

Vậy thì niệm Phật như thế nào? Cả ngày từ sớm đến tối nắm chắc câu A Di Đà Phật, có thể vãng sanh không? Tại sao người xưa lại nói: “Đầu môm rất hòng cũng chỉ uổng công”? Chúng ta cần suy nghĩ xem, điều kiện để vãng sanh là: “Tâm tịnh thì cõi Phật tịnh”. Niệm Phật phương thức, mục đích là gì? Là để niệm đến tâm thanh tịnh, dùng câu Phật hiệu này để tiêu trừ tất cả vọng tưởng, phiền não, tạp niệm, phân biệt, chấp trước của chúng ta. Đó gọi là niệm Phật.

Người niệm Phật nhất định phải tin sâu nhân quả. Đạo lý của nhân quả gọi là: “Miếng ăn, ngụm nước đều được định sẵn”. Cho nên không cần phải đi tranh giành, không cần phải đi phan duyên mà nên an phận thủ thường. Cuộc sống hằng ngày chỉ cần có thể mặc ấm, có thể ăn no, có một căn nhà nhỏ có thể che mưa che nắng là đủ rồi. Nếu còn dư thừa thì nên giúp đỡ người khác, biết phát tâm tu bố thí nhiều để tích lũy nhiều công đức, phước huệ song tu.

Trong khi giảng kinh tôi cũng thường nhiều lần nói với các bạn là: Có người hỏi tôi niệm Phật như thế nào? Tôi nói với họ: Hư không pháp giới hết thảy chúng sanh đều là A Di Đà Phật. Tôi niệm Phật như vậy. Mỗi một người đều là hóa thân của A Di Đà Phật, mỗi một việc cũng đều là A Di Đà Phật biến hóa ra. Hết thảy sơn hà đại địa, cây cỏ, đất đá đều là A Di Đà Phật biến hóa ra, đều là sáu

trần của thế giới Tây Phương Cực Lạc đang thuyết pháp. Thế giới này của chúng ta cũng không ngoại lệ, bạn có thể nhìn thấy không? Trong mắt của tôi, trong tâm của tôi tất cả đều là A Di Đà Phật. Niệm là tâm, là tâm hiện tại. Vì vậy tự nhiên sẽ sanh khởi tâm lễ kính đối với hết thảy người, hết thảy việc, hết thảy vật, “tâm tịnh tức Phật độ tịnh”.

Cho nên chúng ta đối với việc vãng sanh không có do dự, hoàn toàn khẳng định, nhất định không có hoài nghi. Vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc là về quê cũ thì đâu có lý nào không về được chứ? Vấn đề là bạn có biết đường về hay không? Đường về chính là phương pháp. Bạn có hiểu được chân tướng sự thật hay không? Chân tướng sự thật là thế giới Tây Phương Cực Lạc: “Duy tâm Tịnh Độ, tự tánh Di Đà”.

Chúng ta vẫn còn do dự điều gì nữa? Cái thế gian này có không tốt thế nào đi chăng nữa thì cũng đừng nên ghét bỏ, vì sao vậy? Là vì tự tánh Ta-bà, duy tâm đại chúng, cho nên chúng ta hãy “hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức”. Cho dù thuận cảnh hay nghịch cảnh, thiện duyên hay ác duyên đều luôn giữ được tâm chân thành, thanh tịnh, bình đẳng của chính mình. Đây gọi là niệm Phật, chứ không phải chỉ niệm suông câu Phật hiệu ở trên miệng.

Miệng niệm câu Phật hiệu là biện pháp để đối phó với phiền não. Khi sáu căn của chúng ta tiếp xúc với cảnh giới bên ngoài thì khởi tâm động niệm, lúc đó dùng câu Phật hiệu “A Di Đà Phật” để ý niệm đó xuống. Hãy dùng công phu này đối trị tập khí phiền não vọng tưởng ở mọi lúc mọi nơi, thường xuyên có sự cảnh giác cao độ như vậy là tốt.

Cổ Đại đức có câu: “Không sợ niệm khởi chỉ sợ giác chậm”. Khi niệm vừa khởi lên thì các bạn phải biết đó là tam đồ lục đạo. Ý

niệm của chúng ta vừa khởi lên đều là tam đồ lục đạo. Nếu là thiện niệm thì là tam thiện đạo, nếu là ác niệm thì là tam ác đạo. Cho nên chúng ta mới biết ý niệm thật đáng sợ.

Phật dạy chúng ta dùng phương pháp niệm Phật để đối trị, bất luận là thiện niệm hay ác niệm, khi ý niệm vừa khởi lên liền dùng câu A Di Đà Phật để ý niệm đó xuống. Bạn có thể thường xuyên giữ được tâm thanh tịnh, bình đẳng, giác thì bạn chân thật là niệm A Di Đà Phật. Tâm thanh tịnh, bình đẳng, giác chính là A Di Đà Phật.

Trong Kinh Vô Lượng Thọ, Thế Tôn nói với chúng ta: Thế nào gọi là tâm thanh tịnh? Trong tâm không nhiễm mây trần thì gọi là tâm thanh tịnh. Cái gì gọi là ô nhiễm? Thất tình ngũ dục là ô nhiễm, những thứ này là ô nhiễm. Cho nên khi bạn khởi lên cảm tình, cảm tình là gì? Là Hỷ (mừng), Nộ (giận), Ai (buồn), Lạc (vui), Ái (yêu), Ố (ghét), Dục (tham muốn). Đây gọi là thất tình. Ngũ dục là Tài, Sắc, Danh, Thực, Thùy.

Khi bạn khởi lên những điều này thì tâm của bạn là tâm luân hồi. Chúng ta cần niệm mật đi tâm luân hồi này, phải làm cho tâm Bồ-đề hiện tiền. Tâm Bồ-đề chính là tâm thanh tịnh, bình đẳng, giác. Tâm Bồ-đề chính là tâm chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi. Chỉ cần tâm Bồ-đề được khởi lên, được niệm lên thì việc vãng sanh thế giới Cực Lạc như Kinh Vô Lượng Thọ nói với chúng ta là “Một niệm hay mười niệm nhất định vãng sanh”.

Nếu tâm Bồ-đề không thể hiện tiền thì một ngày niệm mười vạn tiếng Phật hiệu mà người xưa thường nói là “Đau mồm rát họng cũng chỉ uống công”. Ngay đến thế gian pháp đều nói tâm đâu ý hợp, chúng ta cần tương ứng với tâm Phật, tâm tâm tương ứng

thì đâu có đạo lý không sanh Tịnh Độ.

Cho nên công việc mỗi ngày việc gì cần làm thì nhất định vẫn làm như thường. Nếu ngày mai vãng sanh rồi thì công việc hôm nay vẫn phải làm như bình thường. Bạn không thể nói ngày mai tôi vãng sanh thì việc hôm nay tôi không làm nữa. Vậy thì bạn không thể vãng sanh rồi. Căn bản bạn không hiểu được đạo lý vãng sanh. Chỉ cần hơi thở này chưa dứt thì những nghĩa vụ mà bạn cần làm thì phải làm cho thật tốt, cần chăm chỉ nỗ lực làm việc đó thật viên mãn.

Chúng ta ngày nay ở thế gian này là thân phận gì, đang làm bất cứ ngành nghề nào, mỗi ngày đang làm công việc gì, đều là vì xã hội, vì chúng sanh. Cho dù bạn là người nội trợ trong gia đình, bạn phải vì gia đình, vì mỗi thành viên trong gia đình mà phục vụ. Mỗi hành vi việc làm hằng ngày của bạn đều là thực hành Bồ-tát đạo. Không thể nói ngày mai tôi vãng sanh rồi thì hôm nay Bồ-tát đạo không làm nữa. Vậy thì có phải là tự bạn chướng ngại chính mình hay không?

Phát Bồ-đề tâm, hành Bồ-tát đạo nhất định không được gián đoạn. Chỉ cần tất cả vì chúng sanh, tất cả vì Phật pháp thì đây chính là Bồ-tát đạo. Tôi mặc áo là vì chúng sanh, tôi ăn cơm là vì Phật pháp chứ không phải vì chính mình. Vì chính mình là tâm luân hồi, tạo nghiệp luân hồi. Vì chúng sanh, vì Phật pháp, vì Phật pháp cứu trụ thế gian, tôi làm một tấm gương tốt để hết thấy chúng sanh nhìn thấy, nghe thấy, biết đến Phật pháp, ngưỡng mộ Phật pháp, phát tâm học tập Phật pháp. Điều này chính là cuộc sống của chúng ta hành trì vì Phật pháp.

Nếu chúng ta làm ra một tấm gương xấu, không cần gia đình, sự nghiệp cũng không cần, công việc cũng không cần mà chạy lên núi tìm một cái động để niệm Phật. Người

trong xã hội nhìn thấy như vậy sẽ sợ phát khiếp lên được, cho là Phật pháp này là tà môn ngoại đạo, không thể học, đó chính là phá hoại Phật pháp rồi. Cho nên người học Phật cần có trí huệ, cần phải hiểu nên làm như thế nào.

Những cử chỉ hành vi của bạn nhất định phải làm lợi ích cho chúng sanh, giúp đỡ chúng sanh, để chúng sanh nhìn thấy sự hành trì của bạn thì họ được giác ngộ, họ hiểu rõ, họ quay đầu. Nhất định không được để cử chỉ hành vi của chúng ta khiến cho chúng sanh nhìn thấy sanh thêm lòng nghi hoặc, càng tăng thêm phân biệt, chấp trước, nghi ngờ. Vậy thì chúng ta đã sai hoàn toàn rồi.

Từ đó mà biết, kinh không thể không đọc, không thể không nghe, không thể không nghe nhiều. Nếu có nghi vấn nhất định phải hỏi, hỏi là tốt. Hôm qua có một vị cư sĩ đến hỏi tôi vấn đề này, hỏi rất tốt, tại vì sao? Vì người mê hoặc giống như anh không phải là ít. Anh ấy vừa hỏi, chúng ta liền hiểu ra, khi vừa giải thích thì mọi người đều hiểu rõ. Cho nên từ học vấn có nghĩa là chúng ta cần học rồi hỏi, cần hỏi nhiều, không nên sợ hỏi. Khi nghi ngờ được tiêu trừ rồi thì lòng tin mới có thể kiến lập, biết được mình nên niệm Phật, học Phật như thế nào, làm thế nào mới có thể thành tựu được Phật pháp.

Chư Phật Bồ-tát dạy chúng ta không gì khác, dùng cách nói của thế gian là “thông tình đạt lý”. Chư Phật Bồ-tát, Tổ sư Đại đức có ai là không thấu hiểu lòng người chứ. Không thấu hiểu lòng người thì thuyết pháp sẽ không khế cơ, không thông đạt đạo lý thì thuyết pháp sẽ không khế lý.

Khế cơ khế lý thì nhất định phải làm đến thông tình đạt lý. Cho nên Phật pháp mới có thể “hàng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức”. Đó là điều chúng ta trên kinh luận

thường xuyên đọc thấy. Chúng ta cần tùy thuận hoàn cảnh sinh sống của bản thân, tùy thuận phương thức sinh sống của bản thân, tùy thuận thói quen làm việc của chính mình. Tất cả đều tùy thuận, trong tùy thuận cầu tiến bộ.

Sửa đổi lỗi lầm của chính mình thì sẽ tiến bộ, nhà Phật và nhà Nho đều rất xem trọng việc này. Trong Lục độ của nhà Phật nói “tinh tấn”, nhà Nho nói: “Ngày mới, ngày ngày mới”. Vậy làm thế nào để tinh tấn? Làm thế nào để ngày ngày mới đây? Sửa đổi chính là tinh tấn, chính là ngày ngày mới. Vì vậy gọi là cải tiến.

Cách hiểu sai lầm của chúng ta, lỗi lầm của bản thân chúng ta, cách nghĩ sai lầm của chúng ta, cách làm sai lầm của chúng ta, sau khi hiểu rồi thì sửa đổi lại liền tiến bộ thôi. Cho nên đồng tu học Phật chúng ta nhất định vẫn phải sống cuộc sống bình thường, làm công việc thường ngày của chúng ta.

Phật dạy chúng ta buông xuống là buông xuống những ưu tư, vướng mắc, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước trong cuộc sống và trong công việc, là dạy buông xuống những điều này. Cuộc sống của chúng ta vui vẻ, công việc vui vẻ, như vậy niệm Phật mới niệm tốt được.

Khi nhân duyên thời khắc đến rồi thì A Di Đà Phật nhất định đến tiếp dẫn bạn. Nếu chưa đến lúc đó mà ngày ngày mong chờ: “Ái chà! A Di Đà Phật sao vẫn chưa đến vậy, vẫn chưa đến đón mình!” Là vì nghiệp chướng của bạn vẫn chưa tiêu trừ. Khi nghiệp chướng tiêu trừ, thời khắc nhân duyên đến rồi thì Phật tự nhiên sẽ hiện tiền, bạn không cần phải lo lắng.

Trích đoạn trong:
THÁI THƯỢNG CẢM ỨNG THIÊN

Pháp tu căn bản của Phật tử

HT. Thích Thanh Từ

Đa số người xưng là Phật tử mà không biết rõ đường lối tu hành, ai bày sao làm vậy, trở thành mê tín sai lầm, khiến người đời phê bình đạo Phật là huyền hoặc, là vô ích. Để bỏ cứu những sai lầm ấy, chúng ta phải biết rõ đâu là pháp tu căn bản phải hành, đâu là lối tu siêu thoát phải đến. Ứng dụng Phật pháp ngay trong cuộc sống thực tế của chúng ta, để minh chứng rõ ràng đạo Phật cứu khổ thật sự, đạo Phật mang hạnh phúc cụ thể lại cho con người. Được thế, chúng ta mới khỏi hối hận là đệ tử của Phật mà làm nhục nhả cho đạo Phật.

PHÁP TU CĂN BẢN

Bước đầu trên đường tu hành của người Phật tử, phải **“chuyển ba nghiệp ác thành ba nghiệp lành”**. Ba nghiệp là thân miệng ý của chúng ta. Khi xưa chưa biết tu, chúng ta buông lung thân miệng ý làm những việc xấu xa tàn bạo độc ác là làm đau khổ cho mình, cho người, cho gia đình, cho xã hội. Những kẻ cướp của giết người sớm muộn gì cũng ngồi khám, cha mẹ vợ con ở nhà đau khổ, gia đình của nạn nhân cũng khổ đau, chánh quyền cũng phải bận tâm điều tra truy nã. Chỉ một việc làm cuồng dại độc ác của một vài người, khiến guồng máy xã hội bị rối bời. Hành động ấy gọi là tạo nghiệp ác. Ngày nay biết tu, chúng ta chuyển thân miệng ý làm việc tốt đẹp thanh cao hiền thiện. Thấy người trên đường bị tai nạn xe cộ, mà không có thân nhân, chúng ta thành thật xót thương, dùng lời hiền hòa an ủi, đích thân săn sóc chở đến bệnh viện... đây là tạo nghiệp lành. Làm được việc lành bản thân chúng ta đã vui, người bị tai nạn cũng bớt

khổ, người chung quanh trông thấy cũng tán thành. Hành động lành này là cụ thể xây dựng xã hội tốt đẹp. Hành động xấu mà cứ lặp đi lặp lại mãi là nghiệp ác, vì đã thành thói quen khó sửa đổi. Ví như người uống rượu, uống một vài lần không thành ghiền (nghiện), ngày nay uống ngày mai uống, uống nhiều ngày như vậy thành người ghiền rượu. Cái ghiền là thói quen, gọi là nghiệp. Người thấy ai thiếu thốn liền giúp đỡ, lúc nào cũng thế, lâu ngày thành thói quen là nghiệp lành. Cũng là thói quen, một thói quen đưa đến đau khổ, một thói quen khiến đến an lạc. Vì thế, người Phật tử phải tránh thói quen đau khổ, phải tạo thói quen an lạc, đó là tu chuyển nghiệp ác thành nghiệp lành. Kẻ ngu muội mới tìm hạnh phúc trên đau khổ của người khác, người sáng suốt chỉ thấy hạnh phúc khi giúp người khác hết khổ.

QUAN NIỆM SAI LẦM

Có nhiều Phật tử phát tâm qui y chỉ vì cầu cho gia đình bình an, cuộc sống được mọi sự như ý. Vì thế, gia đình có người bệnh hoạn hay xảy ra tai nạn gì thì thỉnh thầy cầu an. Nếu thầy bận việc không đi thì phiên nào, giận không đi chùa. Trong cuộc sống gặp nhiều điều bất như ý thì buồn, cho rằng Phật không hộ độ. Nghe miếu Bà, miếu Ông nào linh ứng liền đến đó cầu xin. Chỉ vì mong được bình an mà đi chùa, đến với đạo, khi mục đích ấy không thành thì họ bỏ đạo dễ dàng. Lại có những người sau khi qui y rồi thì mọi việc đều giao phó cho thầy, cất nhà cũng thỉnh thầy coi ngày, gả cưới con cái cũng thỉnh thầy xem tuổi, đau ốm bệnh hoạn cũng thỉnh thầy cầu an, ma chay cũng thỉnh thầy cầu siêu. Thầy là người chịu mọi trọng

trách trong gia đình, nếu thầy không chiều theo là buồn, không đi chùa. Lối qui y này, giống hệt đi đóng tiền bảo hiểm cho cá nhân và gia đình vậy.

Lại có những người tu một cách hời hợt, chỉ biết giờ tụng kinh, giờ niệm Phật, ngày ăn chay là tu. Ngoài những giờ đó ra, mọi việc đều như ai, ăn miếng trả miếng không thua kém. Một ngày mười hai giờ, chúng ta chỉ tu có một hai giờ, làm sao đủ? Mười giờ tạo ác, hai giờ tu thiện thì quá ít ỏi. Hoặc một tháng ăn sáu ngày chay, chỉ tu trong sáu ngày này, còn hai mươi bốn ngày kia không tu thì có thấm vào đâu. Có khi ai lỡ xúc phạm đến họ trong những ngày chay, họ sẽ nói “hôm nay tôi ăn chay, nên không ăn chay thì biết!” Tu như thế, quả thật rất hời hợt.

Còn tệ hại hơn, có người sợ tu thiên đồ nghiệp. Mỗi khi phát nguyện tụng kinh Pháp Hoa chẳng hạn, ở gia đình có xảy ra tai biến gì, liền đổ thừa tại tụng kinh đồ nghiệp. Không biết đồ nghiệp là rơi rớt hết hay sanh ra nghiệp? Nếu đồ nghiệp là rơi rớt hết thì cố gắng tụng cho nó rớt sạch luôn. Nếu đồ nghiệp là sanh ra nghiệp thì điều này thật là vô lý. Vì giờ tụng kinh thì ba nghiệp thanh tịnh – thân nghiêm trang là thân nghiệp thanh tịnh miệng tụng lời Phật là khẩu nghiệp thanh tịnh – ý duyên theo lời kinh là ý nghiệp thanh tịnh – làm sao sanh ra ác nghiệp được? Tin như thế thật là hoàn toàn vô căn cứ. Người Phật tử phải sáng suốt không nên tin theo lời nhảm nhí ấy.

TU LÀ TUYÊN CHIẾN VỚI MA QUÂN

Người phát tâm tu hành như một chiến sĩ tuyên chiến với ma quân. Chúng ta phải hùng dũng quyết chiến. Trước tiên, chúng ta chiến đấu với bọn ma phiền não nghiệp chướng của mình. Ví như người vừa phát nguyện tu hạnh nhẫn nhục, liền bị người thóa mạ, tâm sân hận nổi lên, ngay đây phải

đẹp bỏ, dè bẹp nó là thắng, để nó phát hiện ra miệng, ra thân là thua. Có người trước đã ghiền (nghiện) rượu, nay phát tâm qui y thọ trì năm giới ngang đây phải bỏ (cai) rượu, nếu can đảm bỏ được là thắng, bỏ không được là thua. Thắng được cơn giận dữ nổi lên là thắng ma phiền não, thắng được bệnh ghiền lâu năm là thắng ma nghiệp chướng. Phiền não nghiệp chướng của chúng ta rất nhiều rất nặng, chiến thắng được nó phải là một dũng sĩ kiên cường. Hai thứ này là nội ma.

Những khó khăn chướng ngại do ngoại cảnh gây nên là ngoại ma. Một người tuổi độ ba mươi, đã có gia đình, vừa thọ ngũ giới xong, liền có một người đẹp đeo đuôi mền yêu. Chiến thắng tình cảm bất hợp pháp này là một trận chiến gay go, nếu đương sự không can đảm quyết liệt, khó mà giữ toàn vẹn được giới thứ ba đã thọ. Một người khác sau khi qui y thọ giới rồi, nguyện bỏ (cai) rượu, trong lúc tranh đấu một mất một còn với cơn ma ghiền, lại gặp bạn bè mời đi nhậu, còn dùng nhiều thủ thuật bắt ép, trường hợp này không phải là người có ý chí kiên cường thì khó mà thắng được, ngoại cảnh chướng ngại nhiều khó thể kể hết, người Phật tử hùng dũng quyết thắng, đừng để giặc ngoại ma áp đảo phải đầu hàng.

Đã là chiến đấu thì phải đương đầu, vì vậy chúng ta không thể khiếp nhược yếu hèn chỉ một bề cầu được bình an. Người chiến sĩ có đối đầu với giặc, chiến thắng được giặc, mới thăng quan tiến chức, mới có ngày ca khúc khải hoàn, quàng vòng hoa danh dự vào cổ. Người tu cũng vậy, chiến thắng được nội ma, ngoại ma, mới có ngày bước lên đài vinh quang của con người vẹn toàn đức hạnh. Đã là chiến sĩ thì mắt phải sáng, tai phải thính luôn luôn theo dõi mọi hành động của kẻ thù. Một phút giây hời hợt sơ suất có thể tán thân mất mạng. Người tu cũng thế, phải thấy rõ

tùng tâm niệm, từng hành động của mình, một phút giây lơ lửng, bỗng giấc phiền não nổi dậy, phải bị mất giới thân tuệ mạng. Do đó, không thể chỉ tu trong giờ tụng kinh, niệm Phật, ăn chay mà phải tu trong mọi lúc mọi giờ. Được vậy mới mong chiến thắng bọn ma quân.

Tu là dẹp bỏ những thói hư tật xấu, tuổi trẻ chưa tập nhiễm những cái dở ấy, ngang đây biết tu thì dễ biết đường nào. Người chưa biết uống rượu, không tập uống rượu thật là dễ. Người đã ghiền rượu, bỏ không uống rượu là thiên nan vạn nan. Biết tu từ thuở nhỏ thì thuận lợi dễ dàng biết mấy, để đa mang nhiều bệnh nhiều tật rồi mới tu, thật là khó khăn trăm bề. Song người có ý chí mãnh liệt thì cái khó nào cũng làm được.

CỤ THỂ HÓA PHÁP TU CĂN BẢN

Để cụ thể hóa pháp tu căn bản này, đức Phật bắt buộc người Phật tử sau khi qui y Tam Bảo phải thọ trì năm giới. Trong năm giới ba giới đầu là giữ thân không tạo nghiệp ác, hai giới sau giữ khẩu không tạo nghiệp ác. Thế là, người Phật tử chỉ mới chuyên hai nghiệp. Chuyên hai nghiệp thôi, mà công hiệu lợi ích đã to lớn lắm rồi. Như người không sát sanh, là không giết người (chỉ trừ trường hợp nghĩa vụ quân sự), không trộm cướp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu, bản thân họ đã là một con người tốt. Họ lại giảm được bao nhiêu việc lo âu sợ sệt tổn hao trong cuộc sống hiện tại. Cha mẹ anh em vợ chồng con cái nhờ đó được an ổn vui tươi. Mọi người trong xã hội khỏi phải phiền hà lo âu vì họ. Chúng ta có thể hình dung trong một xóm, mà mọi người đều giữ năm giới hết, trong xóm đó có xảy ra chuyện giết hại, trộm cướp, lừa đảo, hiếp dâm và say sưa phá làng phá xóm không? Chắc hẳn là không, trừ phi những kẻ khác xâm nhập vào. Chúng ta hiện nay đi đâu cũng lo âu sợ sệt là tại sao?

Phải chăng, vì sợ người hãm hại, sợ người móc túi giật đồ, sợ người lường gạt... Chánh quyền phải bận tâm nhọc sức điều tra theo dõi, vì dân chúng không biết tu. Nếu người dân biết tu và chịu tu như vậy, chánh quyền sẽ thảnh thơi nhàn rỗi biết chừng nào. Bởi vì con người ai cũng có sẵn những thói xấu, nếu không cấm đoán hạn chế, nó sẽ tạo ra lắm chuyện xấu xa hèn hạ khổ đau cho nhau. Vì lòng từ bi, đức Phật như bắt buộc các đệ tử của Ngài phải tuân theo những điều cấm đoán, nhờ đó sẽ dẹp bớt những thói xấu, nét tốt dần dần tăng trưởng, khổ đau sẽ tiêu mòn, an vui thêm lớn. Đây là chủ đích cứu khổ của đạo Phật.

Để thành một con người hoàn hảo hơn, Phật dạy phải tu thập thiện. Pháp Thập thiện mới thật sự đầy đủ tu chuyên ba nghiệp. Chuyên ba nghiệp ác của thân, không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm. Chuyên bốn nghiệp ác của khẩu: không nói dối, không nói lật lọng (ly gián), không nói hung ác, không nói vô nghĩa (thêu dệt), chuyên ba nghiệp ác của ý: bớt tham, bớt sân, không tà kiến (chấp lệch, sai). Mười điều lành này xây dựng một con người toàn hảo. Chúng ta phân tích từ tế đến thô sẽ thấy pháp Thập thiện công hiệu không thể kể hết. Một con người không bị tham lam xúi giục thì sẽ làm chủ mình trước mọi thứ cám dỗ của trần gian. Tài sắc danh lợi không lung lạc được, người này mới hoàn toàn thanh bạch cao thượng. Không bị nóng giận áp đảo, chúng ta mới bình tĩnh sáng suốt giải quyết mọi vấn đề. Làm chủ được nóng giận, chúng ta không nói lời thô ác, không có hành động tàn nhẫn. Đời chúng ta không bị hối hận bao giờ, người thân chúng ta không hề chán ghét. Sự việc xảy đến, giải quyết một cách sáng suốt khôn ngoan chúng ta mới đủ khả năng đảm đương việc lớn được. Mọi lý thuyết, mọi vấn đề, chúng ta không thấy một chiêu, không nhìn phiến diện, quần chúng mới dễ cảm thông, mới thật lòng yêu mến. Tà

kiến là cái thấy lệch lạc, thấy sai lầm cục bộ, dễ sanh tranh cãi, dễ sanh oán hờn. Không tà kiến là một tâm hồn cởi mở, bao dung, suốt thông, trong sáng. Không tà kiến, chúng ta hòa hợp được mọi người, mọi chánh kiến khác nhau. Cuộc sống hạnh phúc hay khổ đau, nảy mầm từ thông cảm nhau hay chống đối nhau. Không tà kiến mà lại có chánh kiến, thật hạnh phúc thay cho kiếp con người. Thân khẩu trở thành hay hoặc dở đều phát nguồn từ ý tốt hay xấu. Sở dĩ Thập thiện xây dựng con người hoàn hảo là chú trọng đến ý nghiệp. Pháp ngữ giới mới chuyên hóa hai phần nổi, thân khẩu mà thôi. Bởi vậy Phật tử chúng ta không phải chỉ dừng ở ngũ giới mà phải tiến lên Thập thiện mới thật đầy đủ.

TU CHUYÊN BA NGHIỆP LÀ CĂN BẢN PHẬT PHÁP

Đời Đường ở Trung Hoa, có một thiền sư thấy trên cây có chỗ thuận tiện ngồi tu được, ông liền gác cây bẻ nhánh lột thành chỗ ngồi, giống như ổ quạ và ngồi đó tu. Thời gian sau, ông ngộ đạo tại đây, dân chúng gọi Ngài là Ô Sào Thiền sư (Thiền sư ngồi trong ổ quạ). Ông Bạch Cư Dị, nhà văn nổi tiếng thời ấy, được cử làm quan ở huyện này, nghe danh tiếng Thiền sư Ô Sào, ông liền đến hỏi đạo. Khi gặp nhau, ông hỏi nhiều câu, câu chốt: “Thế nào là đại ý Phật pháp?” Thiền sư Ô Sào ngồi trên ổ quạ đáp: “Chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành, tự tịnh kỳ ý, thị chư Phật giáo.” (chớ tạo các điều ác, vâng làm mọi việc lành, giữ tâm ý trong sạch, đây lời dạy chư Phật.) Ông Bạch Cư Dị cười thưa: “Bài kệ Ngài dạy, con nít tám tuổi cũng thuộc rồi.” Thiền sư bảo: “Phải, con nít tám tuổi cũng thuộc, song ông già tám mươi làm chưa xong.” Bạch Cư Dị đành lễ rồi lui về.

Qua câu chuyện này, chúng ta thấy cốt yếu của đạo Phật là dạy Phật tử phải chuyên ba

ngiệp ác thành ba nghiệp thiện. “Chớ tạo các điều ác” là đừng ba nghiệp ác. “Vâng làm mọi việc lành” là tu ba nghiệp lành. “Giữ tâm ý thanh tịnh” phải chú tâm nhiều về ý nghiệp. Ý nghiệp thanh tịnh thì thân khẩu mới tốt, mới thanh tịnh. Ý nghiệp là chủ động, nên dành riêng một câu đề thấy tâm vóc quan trọng của nó. Dạy tu chuyên ba nghiệp thanh tịnh này, không phải chỉ riêng Phật Thích-ca dạy mà chư Phật đều dạy như thế, “đây lời dạy chư Phật”. Còn một điểm quan trọng chúng ta phải chú ý, Bạch Cư Dị nghe bài kệ này thấy dễ nhớ dễ hiểu nên xem thường bảo rằng “con nít tám tuổi cũng thuộc”. Thiền sư giảng cho ông một đòn đau đینگ bằng câu, “con nít tám tuổi cũng thuộc, song ông già tám mươi làm chưa xong”. Đạo là để hành để tu chớ không phải hiểu nhớ suông. Nếu hỏi đạo để hiểu nhớ, chỉ là việc đùa cợt vô ích. Ứng dụng lời Phật dạy vào cuộc sống, mới thấy hữu ích thật sự. Dầu một thứ thuốc hay đến đâu, nếu người ta chỉ biết tên, đọc nhãn hiệu, nghiên cứu công thức, mà không chịu uống thì con bệnh không bao giờ lành. Phật tử chịu thực hành lời Phật dạy, như con bệnh chịu uống thuốc, mọi bệnh khổ không còn đeo bám chúng ta. Học Phật pháp để hiểu để nói, như người khỏe ăn nhiều thứ bánh vẽ, mà bụng vẫn đói. Người học đạo để hành, để tu mới thật chân chánh Phật tử.

Kết thúc bài này, chúng ta thấy trọng tâm chủ yếu đạo Phật dạy “chuyên hóa ba nghiệp ác thành ba nghiệp thiện”, là căn bản bước đầu không thể thiếu, ở mỗi người Phật tử. Mỗi người hoàn thiện thì xã hội mới toàn mỹ. Chúng ta tu chuyên nghiệp ác thành nghiệp thiện là tự mình thẳng tiến trên bước đường đạo đức, đóng góp sự vui tươi an lạc cho gia đình mình, xây dựng hoàn hảo cho xã hội văn minh. Văn minh ở đây là văn minh đạo đức, văn minh của tình thương chia ngọt sẻ bùi, văn minh của những con

người thanh bai cao thượng. Cho nên trong kinh Thập thiện nói người tu Thập thiện sẽ được sanh lên cõi trời, gọi là Thiên thừa Phật giáo. Song với chúng tôi, người tu Thập thiện là con người hoàn hảo, trong xã hội có đa số người tu Thập thiện là xã hội văn minh hoàn hảo. Đây là Phật pháp giáo hóa dân gian./.

(Sưu tầm)

VỀ bài đăng báo Phật Học

Ban Biên Tập hoan nghênh quý độc giả viết bài cho Nguyệt San Phật Học, xin được lưu ý những điểm sau đây :

- ◆ Bài viết về giáo lý hay thơ, văn, nhạc mang chứa nội dung Chân, Thiện, Mỹ theo tinh thần Phật Giáo, có ích cho sự tu học.
- ◆ Bài gửi đăng báo Phật Học, tác giả có thể viết tay hay đánh máy.
- ◆ Bài được đăng báo hay không, xin miễn trả lại bản thảo.
- ◆ Tác giả dùng bút hiệu, xin ghi rõ họ, tên, địa chỉ để dễ liên lạc nếu cần.
- ◆ Tôn trọng tác giả, Ban Biên Tập không sửa chữa hành văn trừ khi tác giả cho phép. Ban Biên Tập có thể sửa lỗi chánh tả hoặc đánh máy bị sai.

Ban Biên Tập
Nguyệt San Phật Học



HỘ PHÁP